

BÈLA

(Truyện Ngắn Nga)

Tác giả: **Mikhail Y. LERMONTOV**

TTBG (chuyển ngữ theo bản tiếng Anh của Paul Foote)

Trong chuyến hành trình rời khỏi Tiflis bằng ngựa trạm, hành lý duy nhất tôi có trên xe là một cái rương nhỏ đồ đạc lỏng lẻo và quyển bút ký ghi chú về vùng Géorgie. Không may, quyển bút ký này bị rớt mất, nhưng các vật dụng khác thì vẫn còn nguyên vẹn.\

Mặt trời đã khuất đằng sau những rặng núi tuyết sáng ngời khi chiếc xe bắt đầu vào thung lũng Koyshaur. Giọng hát ồn ào, gã đánh xe người Ossete giơ cao chiếc roi, quất túi bụi vào lưng những con ngựa, giúp chúng đi nhanh hơn tới đầu Koyshaur trước khi đêm xuống.

Thật là một nơi chốn tuyệt đẹp! Núi cao vời vọi trên đủ phía. Các vách đá màu đỏ hung treo lủng lẳng trên các giàn dây leo, xen lẫn giữa những bụi cây xanh ngắt. Những con suối nhỏ chảy từ đỉnh cao làm thành những sọc dài màu vàng trên các vách đá. Bên dưới, giòng Aragva màu bạc lấp lánh, trông giống hệt một con rắn đang chậm rãi trườn mình. Sóng nước đập vào các hẻm núi đầy sương, tạo nên những tiếng âm vang liên tục.

Chúng tôi dừng lại nơi một quán ăn. Có một đám người xứ Géorgie và người sơn cước tụ tập ồn ào trước cửa. Đoàn thương buôn cuời lạc đà đóng trạm ngủ qua đêm. Khí trời đang giữa tiết thu mà trên các con đường đã thấy tuyết phủ lốm đốm. Độ dốc cao còn phải leo đến khoảng hai dặm nữa.

Không làm sao khác hơn, tôi đành phải mượn sáu con bò và vài người Ossete để kéo cái xe lên tới đỉnh núi quái ác kia. Một trong những người này vác cái rương của tôi lên vai và những kẻ còn lại không làm gì ngoài chuyện la hét cho những con bò tiến về phía trước.

Đằng sau tôi là một chiếc xe khác được kéo dễ dàng chỉ với bốn con bò dù rằng trên xe chất đầy hành lý. Tôi rất ngạc nhiên theo điều ấy. Vị chủ nhân, miệng ngậm cái ống điếu nhỏ có bịt bạc, bước bộ theo sau. Độ khoảng 50, ông mặc áo khoác ngoài của sĩ quan nhưng không có cầu vai, đầu đội cái nón phớt có lông tua tủa theo kiểu nón của người Cosaque. Làn da đen sạm nói lên điều rằng ông là người đã quá quen với mặt trời xứ nóng. Lớp tóc mai sớm bạc trông chẳng thích hợp chút nào với những bước chân chắc chắn và cái vẻ bề ngoài nhanh nhẹn nơi ông.

Tôi tiến về phía ông, cúi đầu chào. Ông im lặng chào trả lại, miệng phun ra một lớp khói dày đặc.

“Hình như chúng ta cùng đi chung đường?”, tôi hỏi.

Ông gục gặc đầu, nhưng vẫn im lặng.

“Tôi đoán rằng anh đang đi về phía Stavropol?”.

“Vâng... Trông nom một sở đất của chính phủ.”

“Xin anh vui lòng nói cho tôi biết làm thế nào mà bốn con bò có thể kéo dễ dàng chiếc xe nặng nề của anh, trong khi sáu con lại kéo một cách mệt nhọc chiếc xe trống rỗng của tôi, lại thêm có những người Ossete giúp sức?”

Ông nhìn tôi, mỉm cười, vẻ thông cảm:

“Bạn không ở lâu trong vùng này chứ?”

“Chừng một năm”, tôi đáp.

Ông lại cười.

“Nhưng sao anh hỏi thế?”, tôi hỏi.

“Ồ, không có gì! Thật đáng sợ theo cái lũ Á Châu này! Bạn có nghĩ là họ sẽ làm được việc với những tiếng la hét kiêu đó? Chỉ Trời mới biết! Tuy nhiên, những con bò hiểu họ. Bạn có thể giật mạnh hai mươi con bò nếu như bạn muốn, nhưng chúng sẽ không nhích lấy một phân nếu cái lũ người kia hét lên với chúng bằng một thứ ngôn ngữ riêng. Rõ là một đám côn đồ! Còn biết làm gì hơn với họ? Họ chỉ thích lừa đảo du khách... nhưng một cách thật kín đáo. Bạn cứ chờ xem thì biết, thế nào họ cũng đòi tiền thưởng. Còn tôi quá rõ họ nên họ chẳng lấy được gì của tôi.”

“Anh ở đây bao lâu rồi?”

“Từ thời Đại tướng Yermolov”, ông đáp chững chạc. “Tôi là đại úy thời gian ông ta đến tiên đồn, và hai lần tôi được đề bạt vì những thành tích chiến đấu tay đôi với bọn cướp núi.”

“Bây giờ anh là...?”

“Bây giờ tôi đang ở trong tiểu đoàn III biên phòng. Còn bạn thì sao?”

Tôi nói cho ông hay chút ít về tôi.

Cuộc đàm thoại chấm dứt. Chúng tôi im lặng bước cạnh nhau. Nơi đầu thung lũng thấy có tuyết đổ. Mặt trời lặn dần. Đêm tối xuống nhanh. Tuy nhiên, qua làn ánh sáng phản chiếu từ tuyết, chúng tôi vẫn dễ dàng nhận ra lối đi dẫn thẳng lên đồi bấy giờ đã không còn dốc lắm.

Cái rương của tôi được đặt lại trong xe. Các con bò thế chỗ cho những con ngựa. Tôi nhìn xuống thung lũng lần nữa. Nó đã hoàn toàn bị bao phủ bởi một lớp sương mù dày đặc đang cuộn cuộn bốc lên từ các rãnh núi. Không chút âm thanh nào vọng lên. Những người Ossete bu quanh tôi hỏi xin tiền thưởng, nhưng tiếng hét của viên Đại úy làm bọn họ tức thì tản mác ra.

“Ồ! Cái lũ người này!”, ông nói. “Chúng không biết lấy một chữ ‘*bánh mì*’ bằng tiếng Nga, nhưng lại biết học cách nói ‘*Trả công cho tôi bằng giá một ly rượu!*’. Tôi có một anh bạn gốc Tarta nhưng cũng may là anh ta không uống rượu.”

Còn độ một dặm nữa mới đến trạm đổi. Cảnh vật chung quanh tĩnh lặng đến nỗi người ta có thể nhận biết ra ngay một con muỗi bằng tiếng kêu vo ve của nó. Bên trái chúng tôi là một hẻm núi sâu thẳm. Vượt qua

về phía trước mặt là những chóp núi, tuyết phủ trắng xóa, đứng sừng sững cạnh chân trời; những tia sáng phản chiếu cuối cùng như vẫn còn vương vất. Các vì sao bắt đầu lung linh trên nền trời tối. Tôi thấy lạ lùng, bởi các chòm sao nơi đây dường như cao hơn so với vùng quê hương miền Bắc. Các tảng đá trọc đen ngòm dựng thẳng trên cả hai phía. Đó đây, những bụi cây lúp lỏ dưới làn tuyết mỏng. Chẳng có lấy một cánh lá khô cựa quậy. Và ngay giữa vùng đất yên tĩnh như chết này, thật là vui khi nghe được tiếng thở khì khì mệt mỏi của những con ngựa trạm và tiếng kêu leng keng từng hồi phát ra từ những cái lục lạc trên bộ yên cương của người Nga.

“Ngày mai trời sẽ đẹp”, tôi đưa ra nhận định.

Không trả lời, viên Đại úy giơ tay chỉ về hướng một ngọn núi cao, dựng thẳng ngay trước mặt chúng tôi.

“Gì thế?”, tôi hỏi.

“Gud-Gora!”

“Nhưng là cái gì?”

“Bạn hãy nhìn các luồng khói tỏa ra trên ấy.”

Gud-Gora quả nhiên đang bốc khói. Một làn mây mỏng bò ra hai bên ngọn núi. Trên đỉnh cao hội tụ một cụm mây, đen đặc đến độ nổi bật hẳn trên bầu trời đã nhuộm màu xám hoàng hôn.

Chúng tôi đã tìm ra trạm đổi ngựa. Trên nóc các mái lều chung quanh thấy có những luồng sáng nhấp nháy. Nơi khe núi vang rền tiếng thét gào của những ngọn gió. Con mưa bụi bắt đầu đổ xuống. Tuyết lại đang rơi dày đặc. Tôi lo sợ, liếc nhìn viên Đại úy, nghe ông nói bằng giọng buồn chán:

“Chúng ta sẽ phải lưu lại đây đêm nay. Bạn chưa từng đi qua vùng rừng núi dưới một trận bão tuyết như thế này chứ?”, ông hỏi.

Không đợi tôi trả lời, ông quay sang gã đánh xe:

“Vùng này có lần nào phải gặp tuyết lở chưa?”

“Không, thưa ông”, gã đáp. “Nhưng tuyết đã rơi dày lắm.”

Không có chỗ dành cho khách vãng lai tại cái trạm đổi này, do đó, chúng tôi phải tìm đến trú ẩn trong một căn lều ngựa khói, một phía vách dựng sát núi đá.

Tôi dọ dẫm tìm lối vào và đụng phải một con bò (tại các vùng đất miền Nam, cái chuồng bò thường được đặt ngay trên chỗ ngủ của gia nhân). Có tiếng cừu kêu be be và tiếng chó sủa. Tôi không biết phải đi đường nào. May thay, tia sáng nhỏ chiếu ra từ một phía giúp tôi tìm thấy một cánh cửa khác đang mở rộng. Trước mắt tôi bày ra một quang cảnh thú vị. Căn chòi bé nhỏ đầy ắp những người. Mái chòi được chống đỡ bởi hai cột trụ ám đen bồ hóng. Ngay chính giữa, trần trụ trên nền nhà, là một đồng lửa rực sáng; làn khói bị gió từ lỗ thông hơi trên mái đẩy ngược lại, dày đặc trong phòng.

Ngồi cạnh đồng lửa là hai người đàn bà đã lớn tuổi, một lũ con nít và một người đàn ông gốc Géorgie, dáng còm cõi. Tất cả trông đều rất tội tã.

Không còn cách nào khác hơn, chúng tôi đành ngồi xuống cạnh đồng lửa. Tôi có mang theo bên mình một bình trà bằng kim loại –vật an ủi duy nhất trong các chuyến du hành đến vùng Caucase-- nên mời người bạn chung đường một tách trà. Cả hai đốt thuốc hút trong khi chờ bình trà sôi lên.

“Trông họ thật đáng thương”, tôi vừa nói vừa đưa tay chỉ vào đám người đang nhìn chúng tôi bằng ánh nhìn ngây dại.

“Một lũ ngốc nghếch!”, viên Đại úy buông thõng. “Tin hay không cũng thế, rõ ràng họ chỉ là những kẻ hoàn toàn vô dụng! Bạn không thể nào dạy chúng được điều gì cả. Ngay cái đám người tôi quen biết, Kabarda hay Chechia, dù có là những tên cướp núi hay những tên du thủ du thực thì chúng vẫn là những con quỷ gan dạ. Tại sao vậy? Bởi vì chúng không hề quan tâm đến vũ khí. Bạn sẽ không bao giờ thấy chúng đeo bất cứ con dao găm nào kha khá một chút. Đó, đó là cái đám Ossete bạn đang thuê mướn kia.”

“Anh ở trong vùng Chechia này bao lâu?”

“Chừng 10 năm cùng với đơn vị trong một pháo đài gần Kameny Brod. Bạn biết nơi đó chứ?”

“Tôi có nghe.”

“À, những tên cắt cổ ấy từng khiến chúng tôi lao đao không ít. Bây giờ, nhờ ơn Chúa, nơi đó yên tĩnh hơn, nhưng cũng đã một thời, nếu bạn đi ra khỏi trại chừng một trăm dặm, tức khắc sẽ có một tên quỷ rạch rưới nào đó dò theo bước bạn, rồi chỉ trong nháy mắt, trước khi bạn biết mình đang ở đâu thì đã có một sợi dây thừng quấn quanh cổ, hoặc một viên đạn ghim ngay vào đầu.”

“Hình như anh biết rất nhiều chuyện kỳ thú?”, tôi nói, trí tò mò bị kích thích.

“Vâng, dĩ nhiên. Tôi từng tham dự vài vụ...”

Giơ tay gạt mạnh sợi tóc mai bên trái, Đại úy Maxím cúi đầu, dáng nghĩ ngợi. Tôi cảm nghe nôn nóng muốn biết vài câu chuyện của ông – một nỗi ham muốn thông thường của những kẻ vẫn hay đi du lịch. Khi trà đã sẵn sàng, tôi lôi từ trong bọc hai cái tách nhỏ, rót đầy và đặt một tách trước mặt Đại úy. Ông cảm lên nhấp một ngụm, và như tự thì thầm với chính mình:

“Vâng, tôi từng tham dự vài vụ.”

Câu thổ lộ này làm dậy lên trong tôi nhiều hy vọng.

Tôi biết những cựu chiến binh già vùng Caucase thường thích kể chuyện huyền thiên. Tuy nhiên họ ít có cơ may làm điều đó bởi họ thường lưu trú trong đơn vị tại những nơi hẻo lánh với chỉ những đồng

đội không bao giờ nói tiếng “*chào*” thân mật với họ. Họ có nhiều điều để kể. Và hoàn cảnh sống lại luôn luôn trong tình trạng bất an, sự hiểm nguy lúc nào cũng sẵn sàng đưa đến. Người ta chỉ có thể tiếc rằng tại sao những câu chuyện như vậy lại không thường xuyên được viết ra bằng giấy bút.

Tôi hỏi người bạn đồng hành:

“Anh có muốn thêm một tí rượu *rum* vào trà không? Tôi có mua một ít *rum* ở Tiflis đây. Trời đang trở lạnh.”

“Cám ơn bạn. Tôi không uống rượu.”

“Sao vậy?”

“Chẳng sao cả, tôi chỉ không uống. Tôi đã thề như thế. Một dạo, khi còn là Trung úy, bạn biết, chúng tôi uống rượu rất nhiều. Một đêm, nghe tiếng còi tập hợp bất thường, đám sĩ quan ai nấy áo quần xóc xếch, túa ra trình diện. Đại tướng Yermolov nổi cơn thịnh nộ. Gần như cả bọn phải bị đưa ra tòa án quân sự. Như thế đó! Trọn cả năm, bạn rất nghiêm chỉnh, nhưng với rượu *vodka*, tất cả sự nghiêm bạn có thể nhanh chóng tiêu ra ma!”

Nghe xong câu này, tôi hầu như hết cả hy vọng.

Nhưng rồi ông tiếp tục:

“Ví dụ như cái đám người này, một khi đã say rượu *buza* tại một đám cưới hay đám ma nào đó, chúng sẽ dễ dàng biến thành những tên giết người không gớm máu. Tôi gần như phải vất giò lên cổ chạy trốn trong một trường hợp. Đó là lần tại nhà một vị Tù trưởng, bạn quen với tôi.”

“Chuyện ra sao?”

Đại úy nhồi đầy thuốc vào ống tẩu, kéo một hơi, xong bắt đầu kể:

“Bạn biết, *dạo ấy*, đơn vị tôi đóng tại một pháo đài bên bờ sông *Terek*. Chuyện xảy ra đã năm năm rồi.

Một bữa mùa thu, một đoàn công xa đem thực phẩm hàng hóa đến cho đơn vị. Theo cùng trên xe là một viên sĩ quan khoảng 25 tuổi. Anh ta đến gặp tôi, bảo rằng được lệnh lưu lại trong pháo đài. Trông anh rất bánh trai, gọn ghẽ trong bộ quân phục còn rất mới. Tôi đoán ngay anh ta chỉ vừa mới đến Caucase lần thứ nhất.

‘Câu từ Nga tới phải không?’, tôi hỏi.

‘Vâng, thưa Đại úy’, anh ta đáp.

Tôi bắt tay anh ta:

‘Rất vui được gặp cậu. Ở đây, cậu sẽ phải trải qua một ít buồn chán, nhưng đừng quá lo lắng. Cứ gọi tôi là Maxim Maxímych. Và cũng chẳng cần phải mặc quân phục tề chỉnh, chỉ một bộ quần áo thường khi đến gặp tôi là đủ.’

Anh ta được phân phối cho một căn nhà ngay trong pháo đài.”

“Anh ta tên gì?”

“Grigory Alexandrovich Petchorin. Thật là một anh chàng đáng nể nhưng có hơi kỳ quặc. Ví dụ, anh ta có thể sẵn bản suốt ngày dưới trời mưa hay trời rét; tất cả mọi người chung quanh đều mệt và lạnh, riêng anh ta lại tỏ ra chẳng chút hề hấn gì. Lại có khi ngồi trong phòng, chỉ một luồng gió nhẹ đủ làm anh ta run rẩy; nhưng cũng có lần tôi chứng kiến anh ta một mình hạ con lợn rừng to tướng. Thịnh thoảng anh ta lặng câm như hến, nhưng rồi lại kể cho bạn bè nghe hằng loạt câu chuyện, vui đến nỗi người chung quanh phải gập mình mà cười nghiêng ngả. Tóm lại, đó là một kẻ dị kỳ trên đủ mặt. Lại cũng giàu nữa nếu xét theo những vật dụng anh ta mang theo lúc bấy giờ.”

“Anh ta ở đây bao lâu?”

“Chừng một năm. Nhưng với tôi, đó thật là một năm đáng nhớ. Anh ta gây trở ngại cho tôi không ít, dù rằng tôi không lấy đó làm phiền não chút nào.

Nói cho cùng, ***trong cuộc đời, có những con người định mệnh luôn luôn gặp phải những điều bất xứng ý.***”

“Bất xứng ý?”, tôi kêu lên với sự tò mò đặc biệt, xong rót thêm trà vào tách của Maxim.

“Để tôi nói cho bạn nghe.

Có một vị Tù trưởng, cư trú cách pháo đài chừng ba hay bốn dặm. Ông ta có một đứa con trai khoảng 15 tuổi. Thằng bé này vẫn hằng ngày cưỡi ngựa đến thăm tôi và Petchorin. Chúng tôi rất nuông chiều nó, làm hư cho nó. Thật là một thằng bé quý gan dạ! Nó có thể vừa phóng ngựa như bay lại vừa cúi nhặt một cái nón rơi trên mặt đất. Chỉ mỗi điều là nó rất tệ trong vấn đề tiền bạc. Một lần Petchorin cho thằng bé mười rúp rồi bảo đùa nó phải về đánh cắp con dê khỏe nhất trong bầy dê của cha nó. Và bạn có tưởng được không? Ngay đêm sau nó đã mang con dê đến. Thịnh thoảng khi bị chúng tôi trêu, nó đỏ mặt lên ngay, vẻ rất hung dữ. Tôi thường bảo nó: "Azamat, đời mày rồi cũng không khá nổi. Mày sẽ phải rơi vào vòng tù tội một ngày kia."

Một bữa, vị Tù trưởng mời tôi và Petchorin đến dự tiệc cưới con gái đầu lòng của ông. Ông vốn là bạn thân tình với tôi, nên dù ông là người Tartar, tôi vẫn chẳng thể nào từ chối.

Khi chúng tôi đến làng, ông dẫn nguyên bầy chó ra chào đón. Các phụ nữ thì trốn cả vào nhà.

Petchorin bảo tôi: "Tôi thấy những người đàn bà sơn cước này chẳng có gì đáng kể."

Tôi cười: "Rồi hẳn biết!"

Tôi hiểu rõ lời tôi đã nói.

Căn nhà đông nghẹt khách khứa. Những người Á Châu này, bạn biết, thường thích mời khách đến dự tiệc trong gia đình họ. Chúng tôi được đón tiếp trang trọng và được mời vào căn phòng đẹp nhất. Dù vậy, tôi vẫn cẩn thận lưu ý nơi chúng tôi để ngựa, để phòng trường hợp có gì bất ngờ xảy ra."

"Nhưng có gì xảy ra trong đám cưới ấy không?", tôi hỏi.

Ồ, chẳng gì nguy hiểm. Thoạt tiên vị chủ tế đọc một bài kinh Koran, rồi cặp hôn phối trẻ và họ hàng nhận quà tặng của khách. Họ ăn, họ uống rượu buza. Sau đó là một màn diễn trò hề. Bao giờ trong các đám cưới miền núi cũng đều có vài kẻ lang thang được mượn đến để làm vui thêm cho buổi hội bằng những hành động điên khùng của họ. Lúc trời tối, mọi người quây quần nhảy múa trong căn phòng lớn nhất. Một nhạc công đứng tuổi ôm trống vỗ bập bùng một điệu nhạc, (tôi không nhớ tên gọi là gì, nhưng nó tựa tựa như điệu balalaika của chúng ta). Những cô gái trẻ và những thanh niên xếp thành hai hàng đối mặt, vỗ tay vào nhau rồi cùng nhau ca hát. Tiếp đến, một cô gái và một chàng trai tiến ra giữa phòng, cất lên với nhau những câu đối nào ngẫu hứng đến trong đầu họ. Các cặp khác cùng vỗ tay theo. Petchorin và tôi ngồi ở một chỗ danh dự. Có con gái nhỏ nhất của chủ nhân, chừng 15, 16 tuổi, đến trước mặt anh và hát cho riêng chúng tôi nghe."

"Anh có nhớ những lời cô ta hát không?"

"Có, nó tựa như thế này:

Một chàng kỵ mã trẻ rất phong nhã, áo khoác ngoài có viền nút bạc.

Nhưng một sĩ quan Nga lại càng phong nhã hơn trong bộ áo có viền nút bằng vàng.

Anh ta giống như cây bạch dương giữa đám thanh niên trong làng, cho dù cây bạch dương ấy đã không được mọc lên trong ngôi vườn chúng ta đang có.

Petchorin đứng lên, đặt tay ngang trán rồi ngang ngực, cúi đầu chào cô gái, xong xin tôi trả lời thế. Tôi biết rành ngôn ngữ họ nên dịch lại lời hát với anh.

Khi cô gái rời khỏi nơi đó, tôi khẽ hỏi Petchorin:

"Nào, cậu nghĩ thế nào về cô ta?"

"Tuyệt!", Petchorin đáp. "Cô ấy tên gì?"

"Bèla."

Bèla rõ là rất đẹp, dáng cao gầy, đôi mắt đen láy như mắt một con dê núi, xuyên thẳng vào trái tim kẻ đối diện. Petchorin hoàn toàn bị xúc cảm, cái nhìn anh không rời khỏi cô từ đây. Tuy nhiên, ngoài Petchorin, có ai đó từ một góc phòng cũng đang nhìn cô gái. (Ngó kỹ lại, tôi nhận ra đó là gã Kazbich tôi cũng có quen). Gã này là một trong những người miền núi mà kẻ khác không thể khẳng định rằng là bạn hay thù với họ. Gã đã làm dậy lên chung quanh rất nhiều ngờ vực, nhưng chưa từng thực sự bị bắt gặp phạm tội. Gã thường mang cừu đến pháo đài bán với giá rẻ, chỉ duy nhất một điều là không bao giờ chấp nhận sự mặc cả. (Bạn phải trả đúng giá gã đưa ra), bởi dù có nói thế nào, gã cũng khẳng không chịu hạ. Người ta đồn rằng gã vẫn giao du với một bọn cướp núi. Và thật, trông gã chẳng khác nào một tên cướp núi, vóc người dẻo dai, đôi vai rộng, dáng nhỏ thó. Lại nữa, gã khôn như quý, (tôi có thể nói như vậy). Chiếc áo lông cừu tả tơi từng mảnh chấp vá, nhưng các món vũ khí thì lại được bịt toàn những bạc. Trên hết, gã sở hữu một con ngựa nổi tiếng nhất vùng đó. (Đúng thế, bạn khó thể tưởng tượng sẽ có con ngựa nào tuyệt hơn nó). Những tay kỵ mã khác đều xanh mặt vì ganh tị, đôi lần cố bắt trộm nhưng đều thất bại. (Tôi vẫn còn hình dung được con ngựa ấy trước mắt ngay bây giờ) –lông đen tuyền, đôi cẳng dài chắc như thép, đôi mắt đẹp như mắt Bèla. Nó cũng rất mạnh, phóng nước đại trên đường dài hằng bốn mươi dặm mà không thấy mệt. Điều đặc biệt nhất là nó rất vâng lời Kazbich, y hết một con chó trung thành hiểu rõ từng lời chủ nói. Kazbich cũng không bao giờ buộc hàm thiếc vào mõm nó. (Thật đúng là một con ngựa quý cho một tên cướp, trên đời khó thể kiếm ra nổi con thứ hai.)

Đại úy kể tiếp:

Đêm hôm đó, Kazbich trông vẻ rất dữ tợn. Bên dưới chiếc áo khoác lông cừu của gã, tôi thấy có thêm một cái áo giáp. "Chắc phải vì lý do nào gã mới mặc nó?", tôi nghĩ. "Hắn là gã đang định làm điều gì đây?".

Trong nhà rất ngột ngạt, nên tôi bỏ ra ngoài để hít vào ngực chút khí trời tươi mát. Đêm đen bao trùm đôi núi. Một lớp sương mù phủ dày trên thung lũng. Vừa nghĩ ngợi, tôi vừa nhìn vào chuồng ngựa để xem hai con ngựa của tôi và của Petchorin có được cho ăn cỏ khô hay không. Dù sao cũng cần phải cẩn thận, con ngựa của tôi cũng thuộc giống rất tốt. Đã một lần, có một người Kabarda ngán ngờ nhìn ngắm nó rồi

bật kêu khê: "Yakshi tkhe, chek yakshi!" (Một con ngựa tốt, rất tốt!).

Trong khi đang đi dọc theo hàng rào, tôi chợt nghe có tiếng thì thầm. Một giọng nói tôi nhận ra tức thì –thằng bé Azamat, con trai chủ nhà. Giọng kia nhát gừng và nhỏ hơn. "Những người này đang bàn tính gì đây?", tôi ngạc nhiên tự hỏi. "Hy vọng họ không nói về con ngựa của mình đang cột sau chuồng ngựa." Tôi nép sát hàng rào, lắng tai nghe, tâm trí bị kích thích, nhưng đã để mắt vài chữ vì tiếng hát ồn ào vọng ra từ tiệc cưới.

"Anh Kazbich ạ, anh có một con ngựa thật tuyệt!", Azamat nói. "Nếu em là chủ ở đây và có ba trăm con ngựa cái, em sẽ đánh đổi một nửa để lấy con chiến mã ấy của anh."

À thì ra đó là Kazbich, tôi nghĩ, và nhớ lại cái áo giáp của gã.

"Đúng thế!", Kazbich nói sau một hồi im lặng. "Mày sẽ không thể kiếm ra một con ngựa khác tuyệt hơn trong toàn vùng Kabarda này đâu. Một lần, sau cuộc bắt trộm một đàn ngựa Nga, tao và bọn du kích bị tấn công bất ngờ tại vùng Terek. Bọn tao chạy trốn chết với những con ngựa cướp được. Có bốn tên Cosaque rượt theo sát nút. Tao nghe tiếng la rất gần của chúng. Cả tiếng sủa của đàn chó. Phía trước lại là một cánh rừng dày đặc. Tao đành nằm sát trên lưng ngựa, phó mặc cuộc đời trong tay Chúa. Lần đầu tiên tao mới phải làm đau con ngựa của mình với những làn roi quất mạnh vào lưng nó. Nó phóng nhanh như một con chim giữa những lùm cây chằng chịt. Gai nhọn tét rách quần áo tao; các cành khô cào vào mặt. Con ngựa nhảy qua một gốc cây chia ra thành ba nhánh và giẫm mạnh suốt trên những bụi rậm. Tao tưởng phải bỏ rơi nó lại để chạy vào rừng bằng chân đất, nhưng cũng không thể chịu nổi với ý nghĩ nó cách xa tao. Và Thượng Đế đã đáp lại lòng tao trên điều ấy. Vài viên đạn lướt sát bên tai. Tao nghe đám Cosaque đuổi đằng sau, cũng chạy bộ. Bỗng dừng trước mặt tao hiện ra một hẻm núi sâu thẳm. Con ngựa khựng lại một giây rồi rướn mình phóng qua phía bên kia. Hai cẳng sau của nó không đặt được tới mép bờ, nên cả thân hình cứ như chực tuột. Tao đành buông dây cương để tự mình rơi xuống. Điều ấy cứu được nó. Nó đuổi thẳng người, phóng nhanh. Đám Cosaque chứng kiến tất cả mọi diễn biến vừa nói, nhưng chẳng tên nào buồn đi kiếm tao nữa. Có lẽ chúng tin rằng tao đã chết. Tao nghe tiếng chúng đuổi theo con ngựa. Thật là đau khổ! Tao cố bò lên khỏi đám

cỏ rậm, tới miệng vực và nhìn ra ngoài. Nơi đó là bìa rừng. Vài tên Cosaque đang phóng ngựa vào sâu trong đó. Và rồi bên ngoài là con Kara- gyozy đang đâm thẳng vào đám chúng. Chúng vội vàng vừa đuổi theo vừa liên hồi la hét. Đặc biệt có một gã đôi lần suýt trông được sợi dây vào cổ nó. Tao run rẩy, cúi đầu cầu nguyện. Vài phút trôi qua, nhìn lên, tao thấy con Karagyoz, cái đuôi phát phới, phóng đi như một mũi tên trước mặt đám Cosaque. Đàn chó săn đuổi sát đằng sau trong vùng thảo nguyên rộng lớn. Tao nghĩ, chắc chắn là chúng đã bắt được con ngựa của tao rồi. Nhưng Trời ạ, đúng vậy, mọi chuyện tao đang kể đúng thật, như tao đang ở trước mặt mày bây giờ. Tao vẫn ngồi nơi bìa vực suốt cả đêm hôm ấy. Đột nhiên trong bóng tối, mày biết gì không, Azamat, tao nghe có tiếng chân ngựa chung quanh miệng vực. Nó khịt khịt mũi, hí lên, giậm móng. Tao biết chắc đó là con Karabyoz, người bạn vô cùng thân thiết với tao... Từ đó, tao không bao giờ rời nó nữa."

"Tôi có thể hình dung cái vỗ nhẹ của Kazbich lên bờm ngựa và gọi nó bằng những cái tên âu yếm nhất", Maxím nói với tôi, xong kể tiếp:

Khi ấy Azamat lên giọng nài nỉ:

"Nếu em có một ngàn con ngựa cái, em sẽ sẵn sàng đánh đổi để chỉ lấy mỗi con Karabyoz của anh."

"Không, cảm ơn mày", giọng Kazbich lãnh đạm.

Azamat cố gắng thuyết phục gã:

"Nghe này anh Kazbich, anh là một người tốt và là một tay kỹ mã táo bạo. Nhưng cha em lại sợ người Nga và sẽ không cho phép em theo anh lên núi. Hãy giao con ngựa cho em, em sẽ làm tất cả mọi điều anh muốn. Em sẽ ăn cắp cây súng tốt nhất, hay cây kiếm thượng hạng của cha em. Cây kiếm đó thật là thần sầu quý khốc. Anh chỉ cần đặt cái lưỡi của nó trên cánh tay thì thịt da anh đã đủ bị cắt đứt rồi. Cái áo giáp của anh chẳng nhằm nhò gì với nó cả."

Kazbich im lặng. Azamat tiếp:

"Lần đầu tiên nhìn thấy con ngựa của anh với cái cách nó quán quít và nhảy lui nhảy tới chung quanh anh, cái mũi hình lên, ánh lân quang phát ra từ những cú đá liên tiếp, trong em bỗng dậy lên một cảm giác vô cùng mới lạ. Em không nghĩ đến điều gì khác nữa ngoài nó. Và đâm ra xem thường những con ngựa tốt nhất của cha em. Thật khôn khổ anh ạ. Em ngồi trên một tảng đá ngày này qua ngày khác, mơ tưởng liên hồi đến những bước đi nhẹ nhàng và cái lưng óng mượt thẳng băng của nó. Đôi mắt kiêu hãnh gắn sâu vào em như thể

muốn nhấn nhủ với em điều gì đó. Em sẽ chết mất nếu không được anh bán nó cho em".

*Giọng Azamat run run như chực khóc.
Thế rồi tôi nghe tiếng thằng bé khóc òa.*

Bạn biết, Azamat là một đứa cực kỳ ngang bướng, tôi có thể nói như thế. Ngay từ thuở nhỏ đã thấy rằng chẳng có gì khiến nó phải mũi lòng hết.

Kazbich đáp lại những hạt nước mắt của Azamat bằng những thanh âm giống như tiếng cười rộ.

Giọng Azamat cương quyết trở lại:

"Nghe này anh Kazbich, em sẽ làm tất cả mọi điều anh bảo. Hay là anh muốn em bắt cóc chị Bèla cho anh? Anh hãy nghĩ cái cách chị ấy múa hát mà xem! Lại thêm những đường chỉ màu vàng tuyệt diệu chị ấy đã thêu trên áo. Chính ngay vị Tủ trưởng của chúng ta cũng không thể tìm đâu ra được một người vợ như thế. Anh vừa nói gì vậy? Hãy đợi em tối mai bên dòng suối, em sẽ mang chị ấy ra cho anh. Chẳng lẽ chị ấy không đáng giá bằng một con ngựa sao?"

Trong một hồi lâu, Kazbich không nói gì cả. Thế rồi, thay vì trả lời, gã lại hát lên khe khẽ một bài hát cổ:

"Xứ sở ta có nhiều cô gái đẹp

Mắt sáng như sao giữa bầu trời tối

Sung sướng cho kẻ nào chiếm được tình yêu mê ly từ các cô gái ấy

Càng sung sướng hơn cho những ai giữ mãi trong hồn niềm hoan lạc của tự do.

Một người vợ có thể đáng giá như một hũ vàng

Nhưng một con chiến mã oai hùng là một kho tàng không kể xiết

Nó phóng nhanh như gió trên các vùng thảo nguyên rộng lớn

Và sẽ vĩnh viễn trung thành với kẻ nào từng theo sát nó bấy lâu".

Azamat cố gắng thuyết phục Kazbich nhưng vô hiệu. Cậu thút thút khóc, rồi lại tâng bốc gã kia, thề nguyện đủ thứ, cho mãi đến khi Kazbich đâm nổi giận la lên cụt ngắn:

"Câm miệng đi! Đồ nhãi ranh quỷ quái! Làm sao mày có thể cười nổi nó? Trước khi mày tiến xa được vài bước thì nó đã hát mày gãy cổ chết tươi rồi!"

"Không đời nào!" Azamat giận dữ gào lên.

Tôi nghe tiếng leng keng va chạm giữa con dao găm của đũa nhỏ với chiếc áo giáp của Kazbich. Cánh tay vạm vỡ của gã kia nhấc bổng Azamat lên, ném về phía trước. Thân hình thẳng bé va vào hàng rào, mạnh đến nỗi khiến cho cả dãy rào phải lay động.

"Nào! Bây giờ lại sắp có chuyện thú vị đây!", tôi nghĩ bụng, xong nhẩy bổ vào chuồng ngựa, đóng yên cương lên ngựa của tôi và của Petchorin rồi đem chúng ra ngoài sân sau.

Vài phút trôi qua, căn nhà rối lên những xi. Cái gì vậy? Azamat chạy vào, áo da cừu bị xé rách, la lên rằng Kazbich muốn giết nó. Thế là tất cả mọi người đều đứng dừng lên, giơ tay chớp lấy vũ khí. Những tiếng hét, tiếng gào và tiếng súng vang rân trong bóng tối. Nhưng Kazbich đã lên yên, và như một con quỷ, thẳng đường mất hút giữa bóng đêm.

Tôi níu tay Petchorin, bảo nhỏ:

"Đừng xía vào chuyện của họ! Chúng mình mau rời khỏi nơi đây!"

"Không, hãy gượng xem cái gì xảy ra đã."

"Chẳng có gì cả. Tôi đoán xác với cậu như thế. Cái đám người Á Châu này lúc nào cũng vậy, cứ uống rượu buza cho đã rồi lại gây hấn nhau."

Chúng tôi lên ngựa về nhà.

Tôi nôn nóng hỏi Đại úy:

"Nhưng còn Kazbich thì sao?"

Maxim uống cạn tách trà:

"Loại người như gã khó lòng để cho ai đụng tới. Dĩ nhiên là gã trốn biệt."

"Và chẳng bị thương gì cả?"

"Chỉ có Trời biết! Loại người ấy, cũng có vài tên bị giết. Tôi từng thấy chúng chiến đấu, trên người đầy những dấu thọc lưỡi lê y hệt một cái sàng rây, nhưng ngọn kiếm thì vẫn tới tấp đâm bên này, phóng bên nọ."

Đại úy Maxim ngừng một lúc, xong giậm giậm chân trên mặt đất, kể tiếp:

Dù vậy, có một điều tôi không bao giờ tự tha thứ cho mình. Khi về đến pháo đài, tôi đã ngu dại kể hết với Petchorin những gì đã nghe lỏm được. Anh ta bật cười to.

(Thật đúng là một chàng ma mãnh! Có lẽ trong đầu anh ta đang hình thành một kế hoạch?)

“Cái gì vậy? Xin anh cho tôi biết với!”

“Ồ, dĩ nhiên! Tôi đã kể câu chuyện ấy ra thì phải tiếp tục.”

Độ ba hay bốn ngày, sau khi sự việc xảy ra, Azamat tìm đến pháo đài. Nó vào gặp riêng Petchorin như thường lệ, bởi Petchorin vẫn hay cho nó ăn những mẩu bánh ngọt. Tôi cũng có mặt ở đấy. Hai người khởi sự nói với nhau về chuyện những con ngựa. Petchorin cất lời ca ngợi con ngựa của Kazbich:

"Con ngựa thật tuyệt, lại nhanh nhẹn như một con dê núi."

(Thật thế, cái cách anh ta trình bày về con Karagyozyoz khiến cho ai đã từng nghe qua cũng phải nghĩ rằng chẳng còn bất cứ con ngựa nào trên thế gian có thể đem sánh nổi.)

Đôi mắt Azamat sáng rực nhưng Petchorin làm như không lưu ý đến điều ấy. Và, nếu giả thử anh ta có nói bất cứ vấn đề nào khác thì rồi cũng quay trở lại câu chuyện về con ngựa kia.

Trong hai hay ba tuần lễ, trông thằng bé xanh xao hẳn, giống như một độc giả đang mong mỏi khát khao theo một mối tình được viết ra trong sách. Tôi không thể hiểu nổi tại sao lại như vậy.

Petchorin cứ thế mà như thằng bé. Một lần anh ta bảo nó:

"Anh thấy hình như em đang điên cuồng vì con ngựa đó? Nhưng em sẽ không thể nào bắt được nó đâu, trừ phi em có cánh mà bay. Nói cho anh biết, giả như có ai làm điều ấy cho em, em sẽ trả lại gì cho hắn?"

"Bất cứ cái gì anh ta muốn!"

"Thế thì tốt! Anh sẽ bắt nó cho em với chỉ một điều kiện duy nhất. Em phải đưa tay lên thề, rằng sẽ làm theo những gì anh bảo?"

"Em thề như vậy... Nhưng cả anh cũng phải thề nữa?"

"Được rồi! Anh thề sẽ bắt cho em con ngựa, nhưng đổi lại, anh muốn có chị Bèla của em. Con Karagyozyoz sẽ đáng giá như một thứ của hồi môn cho cô dâu mới. Anh mong sự thương lượng này sẽ làm em thỏa ý."

Azamat không nói gì cả.

"Em không muốn thế sao? Vậy thì thôi. Anh tưởng em là một thanh niên, hóa ra em chỉ là một đứa trẻ còn quá bé để có thể cỡi lên mình một con ngựa."

Đôi mắt Azamat sáng rực:

"Nhưng còn cha em thì sao?"

"Chẳng lẽ ông ấy không bao giờ rời khỏi nhà?"

"Vâng, có chứ..."

"Vậy em đồng ý không?"

"Đồng ý!", Azamat nói nhỏ, mặt tái xanh như một xác chết.

"Nhưng lúc nào?"

"Bao giờ Kazbich trở lại đây. Hắn đã hứa là sẽ đem đến pháo đài một tá cừu đực. Để phân sau, anh sẽ tính. Còn em thì cứ làm những gì em mặc cả thôi."

Thế rồi họ bàn tính kế hoạch với nhau. Rõ là một cuộc mua bán tồi tệ! Tôi nói như vậy với Petchorin sau đó, nhưng anh ta trả lời rằng nàng con gái kém văn minh ấy sẽ phải vui mừng khi có được một người chồng như anh ta. Còn Kazbich, Petchorin tiếp, chỉ là một tên cướp núi đáng bị trừng phạt.

Tôi hỏi bạn, tôi còn biết nói gì hơn nữa?

Tuy nhiên, ngay khi ấy, tôi chưa biết nội dung câu chuyện ra sao giữa Petchorin và thằng bé.

Quả thật, một bữa, Kazbich tìm đến pháo đài hỏi xem chúng tôi có muốn mua những con cừu đực và một số mật ong của gã không. Tôi dẫn gã ngày hôm sau cứ mang hàng tới. Tức thì Petchorin cho gọi Azamat đến:

"Anh sẽ có con ngựa Karagyozy trong tay ngày mai. Nếu chị Bèla không có mặt đêm nay ở đây, em sẽ không bao giờ nhìn thấy con Karagyozy ấy."

"Được rồi", Azamat đáp.

Tối hôm đó, Petchorin nai nịt vũ khí, rời khỏi nhà. Dự tính của anh ta thế nào, thực tình tôi chẳng biết. Nhưng cả anh ta lẫn Azamat cùng trở về pháo đài ngay đêm ấy. Người lính gác cổng bảo cho tôi hay là Azamat có đem theo trên lưng ngựa một phụ nữ nằm vắt ngang trên yên, hai tay hai chân bị trói ké, khuôn mặt bao lại bằng một chiếc khăn mỏng.

"Còn con ngựa thì sao?", tôi hỏi Đại úy.

"Tôi đang sắp kể đây".

Sớm hôm sau, Kazbich mang đến một tá cừu đực. Gã cột ngựa nơi hàng rào, vào trong gặp tôi. Tôi mời gã một cốc trà, tạo cho gã cái ý nghĩ rằng với tôi, gã vẫn còn là một người "bạn tốt". Chúng tôi nói với nhau điều ấy. Bỗng dưng tôi nhìn thấy gã rùng mình, vẻ kinh hãi hiện ra trong mắt. Gã vụt bỏ nhanh về phía cửa sổ. Cứ theo nét mặt gã thì tôi biết có một biến cố ghê gớm nào đang xảy ra ở ngoài sân.

"Gì đó?", tôi hỏi.

"Con ngựa của tôi! Trời ơi, con ngựa của tôi!", gã la lên, toàn thân run rẩy.

Sự thật thì tôi cũng có nghe tiếng móng ngựa lóc cóc. Tôi nói: "Có gã Cosaque nào đã đến..."

"Không!", Kazbich la lên. "Khốn nạn! Chính là một thằng Nga!", rồi vụt chạy ra khỏi nhà như một con báo hung dữ. Chỉ hai bước, gã đã có mặt bên ngoài. Người gác cổng cố dùng báng súng ngăn gã lại, nhưng gã gạt nó sang một bên và bỏ túa trên đường cái.

Trong khoảnh khắc đầy sương, Azamat đang cưỡi trên lưng con Karagyozyz hùng dũng. Kazbich vừa chạy vừa nạp đạn vào súng, xong dừng lại giờ lên ngắm bắn. Gã đứng lặng một lát. Khi biết chắc rằng đã bắn trật, gã ném mạnh cây súng vào một tảng đá và ôm mặt khóc nức nở như một đứa trẻ con, xong để rơi thân mình ngã xoài trên mặt đất.

Mọi người trong pháo đài xúm lại chung quanh, nhưng gã chẳng màng để ý. Họ trò chuyện một chút với nhau rồi tán mác đi. Tôi đặt món tiền vừa mới mua những con cừu đực xuống bên cạnh gã; gã không cầm lấy, chỉ nằm đó, mặt dán sát đất như tuồng đã chết. Cứ vậy, gã nằm suốt đêm, sáng hôm sau mới trở dậy đi vào pháo đài, hỏi tên kẻ ăn trộm ngựa. Người gác cổng bảo có trông thấy Azamat tháo dây cương con Kara-gyozyz, cưỡi lên nó và phi nhanh, như tuồng không cần phải lo sợ gì cả. Nghe tới tên Azamat, đôi mắt Kazbich sáng lên một chút. Gã quay nhìn thẳng về phía làng, nơi có người cha thằng bé đang cư trú.

Tôi hỏi:

“Người cha xử trí thế nào?”

“Đó là vấn đề.

Ông ta không có mặt ở nhà khi Bèla bị bắt cóc. Ông đi xa vài ngày. Nếu không, Azamat chẳng tài nào làm thế.

Khi trở về, người cha hay rằng cả con trai lẫn con gái đều biến mất. Thằng nhỏ thì không điên, nên hẳn nó tự biết, nếu để bị tóm bắt, nó sẽ không tránh được cái chết.

Từ ấy, chẳng ai nghe tin tức gì về nó. Có thể nó đã gia nhập vào một băng cướp núi nào đó và đã bị giết trên chiến trường Kuban hay Terek. Như thế là thoát nợ theo thằng bé quỷ xù!

Chuyện xảy ra cũng đã làm phiền tôi không ít. Chẳng bao lâu khi khám phá rằng cô gái bị bắt cóc đang ở trong căn nhà dành cho Petchorin, tôi mặc quân phục, đeo gươm tề chỉnh, tìm đến gặp anh ta. Khi ấy anh ta đang ở trong phòng trước, nằm dài trên giường, một tay lót dưới đầu, tay kia cầm một cái tẩu không còn thuốc. Cánh cửa của căn phòng phía trong đang đóng kín, cũng không thấy chìa khóa gắn trên ổ. Tôi liếc nhanh mọi chi tiết này, xong tăng hắng và giậm mạnh gót

giày trên lối vào, nhưng Petchorin vẫn tỏ ra như không nghe gì cả.

Tôi nói bằng giọng nghiêm trang hơn thường lệ:

"Thiếu úy Petchorin! Cậu có biết là tôi đang ở đây không?"

"A, chào anh Maxim Maximych. Anh có mang theo thuốc nhồi điếu?", Petchorin trả lời mà vẫn không ngời dậy.

"Xin lỗi! Tôi không còn là Maxim Maximych. Tôi là thượng cấp của cậu."

"Cũng thế thôi! Anh muốn uống trà? Anh không thấy tôi đang buồn phiền sao?"

"Tôi biết tất cả mọi chuyện", tôi vừa đáp vừa tiến đến gần giường anh ta.

"Tốt! Tôi không định nói cho anh biết."

"Thiếu úy Petchorin, cậu đã phạm vào một hành động mà chính tôi cũng phải chịu một phần trách nhiệm."

"Ồ, tại sao lại quan trọng hóa vấn đề như thế? Chẳng phải là chúng ta từng chia sẻ mọi thứ với nhau hay sao?"

"Cậu nói gì thế? Xin hãy đeo guom vào!"

Tôi gọi người hầu:

"Mitka, mang thanh guom vào đây!"

Mitka mang guom vào. Bây giờ tôi làm bốn phần của mình, ngồi xuống cạnh Petchorin và nói:

"Này, Petchorin. Điều ấy không thể xảy ra, cậu biết chứ?"

"Cái gì không thể xảy ra?"

"Dĩ nhiên là chuyện nàng Bèla... Thằng ranh con Azamat! Nào, cậu phải thừa nhận điều đó".

"Nhưng nếu tôi thích nàng thì sao?"

Tôi còn biết nói gì hơn nữa? Tôi suýt thua anh ta.

Tuy nhiên,

sau một hồi im lặng, tôi bảo Petchorin rằng giả như vị Tù trưởng đi tìm con gái, anh phải trả cô về cho ông ấy.

"Chẳng bao giờ có điều đó!"

"Nhưng việc gì sẽ xảy ra nếu như ông ta biết Bèla hiện đang ở trong nhà cậu?"

"Làm sao ông ta biết được?"

(Tôi lại bí lối lần nữa.)

"Nghe này, Maxim Maximych", Petchorin vừa nói vừa ngời dậy. "Anh là một người rất tốt. Nếu chúng ta trả con gái lại cho lão già mọi rợ kia thì ông ta sẽ cắt cổ cô hoặc sẽ bán cô cho kẻ khác. Cái gì đã xong hãy để cho nó xong luôn đi. Chẳng có gì đùa cợt trong những điều lộn xộn đang xảy ra cả. Cứ để tôi giữ cô gái, hoặc là tôi sẽ phải thách đấu guom với anh."

Tôi đành nhượng bộ:

"Cho tôi gặp cô ấy một chút."

"Nàng ở trong ấy. Nhưng dù đã cố gắng hết sức, tôi cũng chẳng trông thấy được mặt nàng. Suốt ngày nàng ngồi trong góc, mình quấn áo choàng, không nói hay không nhìn tôi lần nào cả. Nàng nhút nhát y hệt một con dê núi. Tôi có quen một phụ nữ tại một quán rượu, bà ta hiểu rõ về giống người Tarta và sẽ săn sóc nàng, tạo cho nàng ý nghĩ rằng nàng đang thuộc về tôi", (anh ta nói thêm, cung tay đâm mạnh lên mặt bàn) "bởi lẽ chẳng còn có thể thuộc về bất cứ ai khác được."

(Tôi lại đồng ý lần nữa. Biết làm gì hơn? Trên đời, có những người, kẻ khác chỉ biết đồng ý theo những gì họ nói.)

“Và rồi chuyện ra sao?”, tôi hỏi Maxím. “Anh ta có làm cho Bèla thay đổi ý nghĩ không? Hay tình trạng bị giam cầm và nỗi nhớ nhà khiến cô đâm tàn héo?”

“Tại sao nàng lại nhớ nhà chứ?”

Nàng nhìn núi đồi từ pháo đài cũng y hệt như nhìn từ ngôi làng kia mà. Đó là tất cả những gì nàng con gái hoang dã này mong muốn. Ngoài ra, hằng bữa, Petchorin đem cho nàng đủ các món quà. Vài ngày đầu, Bèla không nói gì, chỉ đẩy xa những thứ được đưa từ tay người đàn bà ở quán rượu với những lời ngợi ca nồng nhiệt về giá trị của các thứ ấy.

(Ha, các món quà! Cái gì mà một phụ nữ lại không thể làm để đổi lấy một mảnh giẻ nhỏ đầy màu sắc! Nhưng ấy lại là chuyện khác).

Petchorin phải trải qua một cuộc chiến đấu dài lâu với cô gái ấy. Trong khi đó, anh ta học nói tiếng Tarta, còn nàng ngược lại, dần ra hiểu biết vài điều của ngôn ngữ chúng ta. Nàng dần dần nhìn đến Petchorin, thoạt đầu chỉ là âm thầm trong cái liếc từ một góc mắt. Tuy nhiên, nàng vẫn buồn và cứ hát nho nhỏ một mình bằng cái giọng thật nhẹ đến khiến ngay cả tôi cũng cảm thấy buồn lây trong khi lắng nghe từ phòng bên cạnh.

Có một cảnh tượng tôi không bao giờ quên được. Tôi đang tản bộ, bất thần nhìn qua cửa sổ nhà Petchorin, thấy Bèla đang ngồi trên băng ghế cạnh lò sưởi, đầu cúi gằm sát ngực. Petchorin đang đứng trước mặt nàng.

"Nghe này em yêu!", anh ta nói. "Em biết rất rõ rằng sớm muộn gì rồi em cũng phải là của anh, vậy tại sao lại cứ dầy vò anh như vậy? Em chẳng hề yêu anh chàng Chechia nào chứ? Nếu có, em có thể đi về nhà ngay."

Nàng hơi giật mình và lắc nhẹ đầu.

"Hay là em ghét anh ghê lắm?" Petchorin tiếp.

Bèla thờ dãi.

"Hoặc có phải tôn giáo của em ngăn cấm em yêu anh?"

Khuôn mặt nàng đăm tái nhợt, nhưng vẫn im lặng.

"Hãy tin anh! Đáng Allah là của chung các giống người. Nếu Ngài cho phép anh yêu em, tại sao Ngài lại ngăn cấm em yêu anh kia chứ?"

Nàng nhìn chằm chằm vào mặt Petchorin như thể câu nói vừa rồi đã kích động trong nàng một tư tưởng mới. Đôi mắt nàng dấy lên một nét nghi ngờ, nhưng đồng thời cũng là một nỗi "muốn tin những lời Petchorin nói".

Thật là một đôi mắt tuyệt đẹp! Chúng sáng ngời như hai viên than đá.

Petchorin tiếp:

"Nghe này, Bèla yêu dấu. Em cũng biết anh yêu em đến chừng nào. Anh đã làm đủ cách để cho em vui. Anh muốn em được hạnh phúc. Và nếu như em vẫn cứ buồn, anh sẽ chết mất."

Trông nàng ngẫm nghĩ lúc lâu, đôi mắt đen vẫn nhìn Petchorin đăm đăm, và rồi nàng nhoẽn nụ cười dịu dàng và gật nhẹ đầu. Anh ta nắm tay nàng, cố gắng kéo nàng lại gần, buộc phải hôn anh ta. Nàng chống cự một cách yếu ớt, chỉ mãi nói rằng: "Xin đừng, đừng!" Anh ta càng trở nên thô thúc. Nàng run rẩy và chợt òa lên khóc.

"Em là người tù, là nô lệ của anh. Dĩ nhiên anh có thể bắt em làm bất cứ điều gì anh muốn."

Rồi lại càng khóc nức nở hơn nữa.

Petchorin cung tay đấm mạnh vào đầu mình và bỏ đi nhanh sang phòng bên cạnh. Tôi đi theo sau. Anh ta cứ bước tới bước lui một cách cáu kỉnh, hai tay vòng trước ngực.

"Cái gì thế?", tôi hỏi.

"Đó không phải một phụ nữ, mà chính là trá hình của một con quỷ!", anh ta đáp. "Nhưng tôi thề với anh là nàng sẽ thuộc về tôi."

Tôi lắc đầu.

"Anh có muốn cá cược không?", anh ta hỏi. "Tôi lập lại: nàng sẽ thuộc về tôi chỉ trong tuần lễ kế tiếp."

"Tất nhiên!", tôi nói.

Chúng tôi bắt tay và tạm biệt nhau.

Ngay ngày hôm sau, anh ta gửi một người tới vùng Kizlyar để mua vài vật dụng. Người này trở về với một đồng áo quần bằng lụa Ba Tư nhiều loại, tôi không thể nói là bao nhiêu cho đủ.

"Anh nghĩ gì, Maxím Maxímych?", Petchorin chìa ra cho tôi thấy những thứ quà ấy. "Có thể nào cô gái đẹp Á Châu kia vẫn đủ sức kiên trì chống lại những vật thể này chẳng?"

"Bạn không hiểu rõ về phụ nữ Circasa đâu!", tôi đáp.

"Họ cũng chẳng là gì, y hệt đàn bà xứ Georgia hay tất cả mọi người đàn bà trên thế giới dù họ có tiêu chuẩn của họ và được nuôi lớn một cách khác biệt", Petchorin mỉm cười và huyết sáo miệng một điệu quân hành vui nhộn.

Tuy nhiên, hóa ra tôi lại đúng. Những quà tặng mới chỉ là nửa phần hành động trong cái bẫy đang giăng ra của Petchorin. Bèla trở nên thân mật với anh ta, nhưng chỉ có thể. Vì vậy, anh ta dùng đến phương sách cuối.

Một buổi sáng, Petchorin trang bị yên cương, mặc lên người bộ đồ Circasa, đeo vũ khí ngang hông và bước vào phòng cô gái.

"Bèla", anh ta nói. "Em biết là anh yêu em ghê gớm. Anh tưởng có thể làm cho em yêu anh nếu em biết rõ về anh, nhưng anh đã làm. Vĩnh biệt em. Tất cả những gì anh muốn giữ chỉ là em. Cứ trở về nhà cha em đi nếu em thích. Từ đây em được tự do. Anh đã làm điều sai quấy với em và bây giờ phải bị trừng phạt. Vĩnh biệt em! Anh phải ra đi. Không biết đi đâu nữa. Nhưng anh nghĩ chắc chẳng bao lâu anh sẽ bị giết chết dưới một lưỡi gươm hay một viên đạn. Khi ấy, xin em hãy nhớ đến anh và tha thứ cho anh."

Petchorin quay lưng và vẫy tay từ biệt.

Bèla vẫn ngồi yên. Nhưng bởi vì tôi đang đứng đằng sau cánh cửa nên nhìn rõ nàng qua khe hở. Thật đau lòng khi phải chứng kiến khuôn mặt lướt xanh tựa một xác chết như thế. Không nghe câu trả lời, Petchorin tiến lên vài bước. Toàn thân anh ta run rẩy.

(Và tôi phải nói rằng, anh ta đóng kịch rất khéo theo những lời đe dọa trong một trò đùa. Petchorin là loại người khó ai có thể hiểu rõ.)

Nhưng rồi anh ta cũng không thể đặt tay lên ổ khóa khi Bèla nhảy bật về phía trước, giang rộng hai tay ôm lấy cổ anh ta.

(Tin hay không cũng được, nhưng thật tình tôi đã khóc khi chứng kiến cảnh đó. Ồ, mà không phải khóc, bạn hãy biết. Đó chỉ là trạng thái ngớ ngẩn của một ông già thôi!)

Đại úy Maxýmich im lặng trong một lúc.

"Vâng", ông vừa se se sợi tóc mai vừa nói tiếp, "tôi thú nhận tôi có rầu rĩ trong ý nghĩ rằng chưa từng có người đàn bà nào yêu tôi như thế."

"Họ có hạnh phúc dài lâu hay không?", tôi hỏi.

“Vâng, Bèla thú nhận với chúng tôi rằng sau lần đầu gặp Petchorin tại bữa tiệc cưới nhà cô, cô cứ mơ tưởng tới Petchorin, và rằng chưa người đàn ông nào từng khiến cô có thể như vậy. Vâng, họ rất hạnh phúc.”

“À, tôi thật là tối dạ!”

Tôi bật kêu và tự nhiên cảm thấy hoan hi trong lòng.

Nhưng tôi cũng đoán rằng kết cuộc câu chuyện không đơn giản, mà rất là bí hiểm. Chính vì thế, trong trí tôi hiện nhanh cái hình dung bất ngờ này.

“Có phải anh muốn nói rằng người cha của Bèla không phản đối việc Petchorin đã bắt giữ cô trong nhà anh ấy?”, tôi hỏi.

“Thoạt đầu, tôi cũng nghĩ ông ta nghi ngờ điều đó, nhưng vài ngày sau chúng tôi hay rằng ông đã bị giết chết. Chuyện thế này.”

Tôi lại lần nữa rơi vào trạng thái căng thẳng.

“Bạn biết,

Kazbich từng tin rằng chính ông già đã nhúng tay vào chuyện ăn trộm ngựa của cậu con trai út.

(Dù sao chăng nữa, đó cũng chỉ là sự ước đoán của tôi.)

Vì thế, một đêm kia, gã rình chờ ông già trên con đường cách nhà ông chừng một hay hai dặm. Ông già cố gắng đi tìm con gái và đang trên đường trở về nhà sau suốt một ngày vào rừng sục sạo. Trời vừa sập tối. Ông mới từ giã đám người đi tìm cùng và đang dẫn bộ con ngựa; bất thần Kazbich từ trong bụi nhảy ra như một con cáo, đến đằng sau, rút dao đâm vào lưng ông. Xong gã chụp lấy dây cương chạy thoát. Vài dân làng nhìn thấy rõ mọi diễn biến ấy. Họ đuổi theo sau, nhưng chẳng thể tìm ra gã.”

“Như thế gã đã trả được thù và bù đắp được cho sự mất ngựa”, tôi nói, hy vọng moi ra từ người bạn đồng hành vài ý kiến khác nữa.

“Dĩ nhiên trên cách nghĩ của mọi người thì gã đã đúng”, Đại úy đáp.

Buổi trà chấm dứt. Những con ngựa đã ăn cỏ xong và đang giậm chân trong tuyết. Về phía tây, mảnh trăng suông bị mây mờ che khuất, trông giống như một mảnh vải nhỏ rách tả tơi treo lủng lẳng trên đỉnh núi cao.

Chúng tôi rời căn lều. Dù với lời tiên đoán của người bạn đồng hành, không khí vẫn trong suốt và một buổi sáng đẹp đang dần hứa hẹn. Xa xa nơi chân trời, những chòm sao lấp lánh đan kết bên nhau thành những mô hình kỳ diệu. Từng ánh đang mờ dần dưới các tia nắng mỏng manh của một buổi sớm. Tuyết sáng ngời trên dốc núi. Sự bí mật của vực sâu vẫn bao trùm, thăm thẳm. Các luồng sương cuộn cuộn và xoắn lại như

những con rắn đang chuyển động lên xuống trên những vách đá. Vạn vật đắm chìm trong tĩnh lặng. Chỉ thỉnh thoảng một luồng gió đông lạnh buốt thổi qua làm xù cái bờm những con ngựa đang nóng nảy giậm chân.

*

* *

Cuộc hành trình tiếp tục. Chiếc xe năm ngựa lê bánh một cách mệt nhọc về phía Gud-Gora. Chúng tôi đi bộ theo sau. Con đường đầy gió, cơ hồ dẫn thẳng tới chân trời rồi biến mất luôn trong làn mây xa thẳm. Dưới chân, tuyết bị nghiêng, kêu lạo xạo. Không khí buốt mỏng. Hơi thở khó khăn, máu dội ngược lên đầu. Nhưng chính vì những điều như thế mà cả con người tôi như bị đắm chìm trong trạng thái ngây ngất. Một nỗi hạnh phúc lan tràn cơ thể. Thật đúng là cảm nghĩ trẻ thơ, tôi thừa nhận thế. Nhưng chúng ta không thể không trở thành trẻ thơ khi bỏ lại xã hội phiền toái sau lưng để đến gần với thiên nhiên hơn nữa. Mọi kinh nghiệm sống tách rời thân xác. Tâm hồn trở nên mới mẻ theo những gì “*một lần nữa là thế*” và “*chắc là thế một lần khác nữa*”. Bất cứ ai từng có may mắn đi lang thang suốt qua những dãy núi đồi hoang vắng và tận hưởng không khí sinh động của các thung lũng đều có thể hiểu được tại sao tôi lại ao ước diễn tả với độc giả những quang cảnh kỳ ảo như tôi đang chứng kiến chung quanh.

Cuối cùng rồi cũng đến được Gud-Gora. Chúng tôi ngừng lại, nhìn quanh. Mây mù giăng mắc trên đầu núi. Khí lạnh báo hiệu một trận bão sắp kéo tới, nhưng bầu trời vẫn sáng và ánh vàng từ phương Đông vẫn rạng. Đây là điều mà cả đại úy lẫn tôi đều không hề ngờ đến. Không, chẳng riêng gì đại úy, ngay đến một người bình thường cũng cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên có uy lực thấm thía gấp trăm lần hơn lên so với những lời được nói hay viết ra, như của tôi.

“Tôi đoán rằng anh rất quen thuộc với những không gian tuyệt vời như hiện tại?”, tôi hỏi.

“Vâng, vâng. Cũng hết như bạn có thể trở nên quen với những viên đạn réo qua đầu – hay ít nhất cũng giả vờ làm như thích ứng với điều ấy.”

“Tôi được biết, có nhiều cựu chiến binh luôn luôn nghe tiếng đạn réo bên tai họ.”

“Vâng, đúng, đồng ý. Và ngay cả thường thức nó nữa. Duy nhất chỉ bởi vì nó rất kích thích. Nhìn xem này”, vị đại úy vừa nói, vừa chỉ về phía Đông. “Thật là một nơi chốn tuyệt diệu!”

Chính xác như vậy, tôi chắc rằng khó thể tìm thấy một quang cảnh thế này lần nào khác nữa. Bên dưới chúng tôi là thung lũng Koysaur. Từ cao nhìn xuống, giòng Aragva hùng vĩ và vài con sông nhỏ chảy ngang qua trông giống như những sợi chỉ màu bạc. Sương mù giạt trôi biệt, ẩn núp trong những hẻm núi bên cạnh. Hai bên trái, phải trải dài những sợi tuyết đan thắt vào nhau như những mắc xích, phủ đầy trên

các ngọn núi, cao thấp nhấp nhô. Khắp nơi, tuyết sáng ngời, trông rất quang đặng đến khiến tôi chỉ muốn muôn đời lưu lại đó. Mặt trời hé rạng trên đỉnh núi xanh mà chỉ với con mắt kính nghiệm, người ta mới có thể nói rằng đó là điều báo hiệu cho một đám mây đông đang kéo đến. Đại úy Maxim ngược nhìn lên với một nét thích thú đặc biệt:

“Tôi đã đoán rằng ngày hôm nay chúng ta sẽ gặp bão. Phải đi nhanh lên, nếu không sẽ kẹt lại trong dãy núi. Nào, nhanh lên nào!”, ông la to giục người đánh ngựa.

Chúng tôi móc những sợi dây xích vào bánh xe làm thành như những cái thắng, phòng trường hợp những con ngựa lỏng lên, bứt dây cương, lôi chiếc xe tuột dốc. Bên phía phải chỉ là vách núi và bên phía trái là một vực thẳm sâu đến độ một ngôi làng Ossete ở tít đáy xa trông chẳng lớn hơn cái tổ chim én bao nhiêu. Tôi thốt rùng mình khi nghĩ đến những người đưa thư hằng năm đã băng qua con đường này đến hằng chục bận. Ngay chỗ này, con đường rất hẹp, hai chiếc xe không thể cùng vượt qua một lúc, nhưng phải nhận rằng nó rất êm, không làm xe bị xóc.

Một trong những người đánh xe của chúng tôi là nông dân gốc vùng Yaroslavl, thuộc Nga; người kia là Ossete. Gã Ossete nắm giầy cương, dẫn ngựa tiến bước rất thận trọng, trong khi người đánh xe Nga vẫn ngồi thoải mái trên ghế. Tôi bảo anh ta hãy nên đề ý giữ gìn cái cương, đừng để rơi xuống vực. Tức thì anh ta đáp:

“Ông chẳng cần bận tâm. Với sự phù trợ của Chúa, chúng ta sẽ đến đó cùng lúc với đám Ossete kia; hoặc không chừng, sẽ đến trước họ.”

Quả nhiên anh ta đã đúng. Tôi tưởng chiếc xe sẽ không bao giờ tới đích, nhưng sự thật trái lại. Nói cho cùng, nếu như nghĩ sâu hơn một chút, người ta hẳn thấy rằng cuộc đời không có gì đáng để lo âu.

Và, có lẽ bạn muốn biết câu chuyện về Bèla kết thúc như thế nào chứ? Dẫu vậy, đầu tiên tôi phải nhắc bạn nhớ rằng tôi đang viết một cuốn bút ký, không phải tiểu thuyết. Vì vậy, tôi không thể khiến viên Đại úy kể tiếp điều gì khi ông ta chưa muốn. Do đó, bạn phải đợi. Hoặc, xin lật qua vài trang –dù tôi mong bạn đừng làm thế, bởi vì cuộc băng qua dãy Krestovaya này (hay còn gọi như học giả Gamba, là ngọn núi Saint Christophe) thì rất xứng đáng cho bạn phải lưu tâm đến.

Từ Gud-Gora, chúng tôi đổ dốc xuống thung lũng Chert-ova. *Chertova*, cái tên thật lãng mạn, gọi lên hình ảnh một cái hang của quý nằm giữa những vách đá cheo leo hiểm trở. Nhưng không đúng đâu. *Chertova* không đến từ chữ *chert* (có nghĩa *ma quý*), mà là từ chữ *cherta* (nghĩa *biên giới*), bởi nơi đây từng được dùng làm đồn biên phòng của xứ Géorgie, một trong những phần đất dễ thương nhất của quê hương ta.

Cuộc đổ dốc hoàn thành.

“Đó là thung lũng Krestovaya”, Đại úy Maxim vừa nói vừa chỉ vào một ngọn đồi phủ đầy tuyết với một cây thánh giá màu đen cắm trên chóp đỉnh. Từ cây thánh giá, người ta có thể tìm ra con đường đang bị cản lại bởi lớp tuyết phủ. Những người đánh xe bảo rằng chưa từng có tuyết lở, vì vậy họ dẫn chúng tôi đi trên con đường này để tiết kiệm sức lực của ngựa. Đồi lại, chúng tôi gặp hàng nửa tá người Ossete bu quanh xin việc. Họ nắm lấy các bánh xe và với tiếng la hét vang rân, họ kéo càng xe lên cho vững. Con đường thật sự nguy hiểm. Từng đoạn hẹp bị bao phủ bởi tuyết. Trên rất nhiều chỗ, do bởi ánh mặt trời làm tan lớp tuyết xấp trên mặt, và bởi khí lạnh của đêm, nó biến thành băng đá. Sự đi lại khó khăn, đôi lần các móng ngựa gần như muốn trượt. Bên phía trái là một vực thẳm. Một giòng thác lũ chảy ngang, có đoạn nước xiết, đoạn khác lại biến mất dưới lớp băng, xong tiếp tục trườn bò qua các tảng đá.

Chúng tôi sắp đặt để đi quanh thung lũng Krestovaya trong hai tiếng đồng hồ. Hai tiếng cho một dặm rưỡi! Mây mù giăng mắc và tuyết bắt đầu đổ. Gió thét gào trong những khe vực. Cây thánh giá bằng đá chẳng mấy chốc bị vùi lấp dưới làn sương mù đưa đến từ phương Đông, càng lúc càng cuộn lên nhanh hơn.

Trong dân chúng, có một huyền thoại lan tràn về cây thánh giá bằng đá ấy. Người ta bảo chính tay Đại đế Peter đệ I đã dựng lên nó khi đi ngang qua vùng Caucase. Nhưng giả thuyết này không mấy vững, bởi thứ nhất, Đại đế chỉ đi tới Daghestan; thứ hai, dựa theo nhiều tài liệu chính xác, cây thánh giá được dựng lên năm 1824 theo lệnh của Đại tướng Yermolov.

Chúng tôi phải đi thêm ba dặm rưỡi nữa suốt qua những vách núi bọc tuyết mới tới được Kobi. Các con ngựa bị quất roi lia lịa. Phần con người thì lạnh cóng. Tiếng gió gào, tuyết bay nghe càng thêm phẫn nộ. Có lẽ trời cũng đang bão tố ở quê nhà phương Bắc, dù rằng điệp khúc gió ở đây buồn hơn, than van sâu thẳm hơn. Tôi nghĩ, mình cũng đang là một kẻ bị lưu đày, giang hai cánh tay lạnh giá để khóc than cho những vùng thảo nguyên rộng lớn, ngọt ngào và thui chột; giống như con đại bàng bị rơi vào bẫy, đang vẫy vùng đập cánh trên những thanh lưới sắt.

“Hãy nhìn kia!”, Đại úy Maxim đột ngột nói. “Bạn không thể thấy một vật nào cả ngoài sương và tuyết. Chúng ta sẽ bị trượt chân trong khe núi hay bị giam hãm trong một rãnh eo nào đó nếu không cẩn thận để ý. Có thể chúng ta sẽ tìm ra Baida ở phía xa kia, nhưng với trời mưa lũ, không cách nào băng qua đó được. Ôi chào Á Châu! Thật đúng là một nơi kỳ lạ! Con người và các giòng sông đều cùng tột tệ –không trông mong gì được.”

Các người đánh xe vừa la to những lời nguyền rủa vừa quất roi lên những con ngựa đang khịt mũi thối lui. Chúng cứ đứng ì ra dưới những

ngọn roi đỏ xuống tới tấp trên lưng trên cổ. Cuối cùng, một anh chàng nói:

“Chúng ta sẽ không thể tới được Kobi hôm nay, thưa các ông. Vậy mình nên chuyển hướng sang phía trái khi còn có thể làm như vậy. Trên đồi có cái gì kia. Chắc là những mái tranh. Các du khách luôn luôn dừng lại đây trong thời tiết xấu.” Hấn đưa tay chỉ vào một gã Ossete. “Họ nói họ sẽ dẫn đường giúp chúng ta nếu như các ông cho họ chút tiền thưởng.”

“Tôi biết, chú ạ. Không cần chú phải bảo tôi”, Đại úy nói. “Trời đất! Thật đúng là một lũ lợn! Chúng không bao giờ bỏ lỡ cơ hội nào để đòi tiền thưởng.”

Tôi đưa ý kiến:

“Nhưng anh vẫn phải thừa nhận rằng chúng ta đang trong tình trạng vô cùng bất lợi.”

“Tôi biết, tôi biết”, Maxim càu nhàu. “Hừ! các tên dẫn đường khốn nạn! Chúng biết rõ điều gì hữu ích cho chúng. Chắc chắn là không thể tìm ra lối nếu không cần đến sự giúp đỡ của chúng.”

Vì vậy, chúng tôi xoay về hướng bên trái; và sau rất nhiều chật vật mới tới được một căn nhà hai gian tồi tệ xây bằng gạch vụn, chung quanh là một bức tường cũng xây cùng vật liệu. Vị chủ nhân râu tóc bồm xồm thân mật chào hỏi chúng tôi. Sau đó tôi hay rằng họ được chính phủ trả công với điều kiện họ phải đón nhận những khách du nào bị bão.

Tôi ngồi xuống bên đồng lửa.

“Tất cả đều tốt đẹp”, tôi nói. “Bây giờ anh có thể kết thúc câu chuyện về Bèla. Tôi chắc rằng đoạn kết chưa được kể.”

“Điều gì khiến bạn đoán xác như thế?”, Maxim hỏi, nháy mắt và mỉm cười một cách tinh quái.

“Đó là lẽ tự nhiên. Một bắt đầu bất thường dĩ nhiên không tránh được sự bất thường ở phần kết.”

“Trên thực tế thì bạn đã đúng.”

“Tốt!”

“Với bạn, hẳn nhiên là tốt. Nhưng với tôi thì thật là buồn khi phải nhớ lại mọi việc xảy ra đã năm năm rồi.

Bèla là một cô gái rất đáng yêu. Tôi đắm lưu luyến và thành thật thương nàng như với một đứa con gái ruột. Nàng cũng rất thương tôi. Bạn biết, tôi không lập gia đình. Từ 12 năm hay nhiều hơn nữa, tôi không có chút tin tức nào về bố mẹ. Trước kia tôi chưa hề nghĩ đến điều lấy vợ; lúc bấy giờ cũng không còn trai trẻ nữa. Vì vậy tôi rất hoan hỉ nếu có ai đó để cho mình phải quan tâm. Bèla thường hát cho chúng tôi nghe, hoặc nhảy điệu lezginka. Nàng cũng là một cô vũ nữ rất duyên dáng. Tôi từng nhìn thấy nhiều cô gái trẻ trong các

tình, và đôi lần, hai mươi năm trước, ở Moscow, đã từng đi đến các phòng khiêu vũ –nhưng so với Bèla thì những cô gái ấy không thấm vào đâu. Nàng ở vào một thứ bậc hoàn toàn khác. Petchorin chững diện cho nàng như một con búp bê, và thật kinh ngạc, nàng xinh đẹp biết bao theo tất cả những nâng niu chiều chuộng của anh ta. Làn da rám nắng trên khuôn mặt và hai cánh tay dần dần biến mất. Đôi má bắt đầu hồng ửng. Tính tình linh hoạt vui vẻ, nàng luôn luôn trêu chọc tôi, y hệt một đứa trẻ con...

(Xin Chúa tha cho nàng điều đó!)

“Rồi chuyện gì xảy ra khi cha cô ta đã chết?”

Chúng tôi giấu Bèla việc ấy một thời gian dài. Khi nàng đã quen thuộc với chúng tôi, nàng mới được nghe kể. Nàng khóc trong vài ngày, rồi quên dần mọi điều đã xảy. Tất cả tốt đẹp chừng ba hay bốn tháng. (Tôi đã nói với bạn rằng) Petchorin rất đam mê trong việc săn bắn. Anh ta đều đặn xách súng theo sau những con lợn rừng hay các con dê núi. Thời gian có Bèla, anh ta không làm như thế nữa. Dù vậy, chẳng bao lâu, tôi thấy anh ta lại ủ rũ, hai tay chắp sau lưng, bước đi quanh phòng liên tục. Thế rồi một ngày kia anh ta lại xách súng đi săn mà không nói với ai lời nào hết. Anh ta vắng mặt suốt buổi sáng. Sau bữa đó, anh ta lại tiếp tục đi, càng lúc càng thường xuyên hơn. Tôi nghĩ, có cái gì xảy ra đây! Chắc hẳn họ đã không còn hòa thuận?

Một buổi sáng, tôi đến thăm thì thấy Bèla ngồi trên giường, mình choàng áo ngủ bằng lụa đen, vẻ xanh xao buồn bã đến độ tôi phải quay nhìn sang hướng khác.

"Petchorin đâu rồi?", tôi hỏi.

"Đi săn".

"Có phải chú ấy rời nhà buổi sáng?"

Nàng không đáp, và dường như cũng không muốn trò chuyện.

Cuối cùng nàng thở dài:

"Không, ngày hôm qua."

"Em có đoán điều gì xảy ra cho chú ấy không?"

Nàng trả lời qua nước mắt:

"Trọn ngày hôm qua em cứ mãi tưởng tượng đủ thứ tai nạn xảy ra cho anh ấy. Có lúc em nghĩ anh ấy đang bị thương bởi một con lợn rừng to lớn, rồi lại nghĩ anh ấy đang được vài người Chechia mang cấp cứu trên đồi. Nhưng bây giờ thì em tin rằng anh ấy không còn yêu em nữa."

"Thật sao cô bé? Đó là điều có lẽ tôi tệ nhất em đã nghĩ ra."

Nàng òa khóc. Rồi kiêu hãnh hát mặt lên, lau khô đôi mắt:

"Nếu anh ấy không còn yêu em nữa, tại sao không để em trở về nhà? Em đâu nào buộc anh ấy phải giữ em lại đây. Em có thể tự đi về một mình nếu như mọi sự cứ xảy ra như hiện tại. Em không phải là một con nô lệ của anh ấy. Em là con gái một vị Tù trưởng mà!"

Tôi cố gắng trấn an nàng:

"Nghe này, Bèla. Em không thể cứ mong rằng chú ấy phải dành hết thì giờ cho em. Chú ấy là một người trẻ và rất say mê săn bắn. Chú đang đi săn, rồi sẽ trở về thôi. Nhưng nếu em cứ tiếp tục ưu phiền, em sẽ sớm làm cho chú chán."

"Vâng, anh nói đúng."

Xong nàng cười, cầm cái trống lên, bắt đầu vừa hát vừa nhảy múa và lượn quanh tôi. Dẫu vậy, điều này không kéo dài lâu. Sau đó, nàng trở vào giường, úp mặt trong lòng hai bàn tay, ngồi im suốt buổi.

"Bạn nghĩ xem, tôi có thể làm gì được cho nàng kia chứ?"

Tôi chưa từng có bất cứ kinh nghiệm nào về phụ nữ. Tôi cố nặn óc tìm cho ra phương cách để an ủi, làm nàng tươi tỉnh; nhưng chẳng biết phải nói thế nào. Do đó, hai chúng tôi đều im lặng. Tình thế thật vụng về lúng túng. Cuối cùng, tôi rủ nàng đi dạo bên ngoài pháo đài bởi khí trời đang rất tốt. Tháng Chín, ngày đẹp, sáng sủa nhưng không quá oi bức. Những dãy núi chung quanh cũng rất quang đãng. Chúng tôi im lặng, đi bộ dọc theo bờ thành hồi lâu. Rồi nàng ngồi xuống trên cỏ. Tôi ngồi bên cạnh. Thật buồn cười khi nhìn lại dĩ vãng, khi ấy tôi xum xuê cạnh nàng giống y hệt một người nhũ mẫu già nua.

Pháo đài tọa lạc trên mô đất cao. Phong cảnh chung quanh vô cùng hùng vĩ. Một bên là khoảng đồng trống mênh mông với những rãnh mương chảy suốt qua trên ấy. Bên khác, cánh rừng trải thẳng xa tới tận chân trời. Đó đây, các luồng khói từ những mái nhà trong làng tỏa ra, bay bổng. Từng bầy ngựa nhả nha di động. Về phía khác là một giòng suối cạn, tiếp giáp bởi những bụi rậm dày đặc, nối kết với vùng đất Caucase.

Chúng tôi ngồi nơi một góc pháo đài. Bỗng nhiên tôi trông thấy một người đàn ông cỡi con ngựa xám, đang từ phía rừng đi tới. Người này đến gần chúng tôi, lượn con ngựa vòng vòng tựa hồ một gã điên, rồi ngừng lại cách giòng suối chừng một trăm mét. Anh ta muốn làm gì, tôi thật không hiểu.

Tôi bảo Bèla:

"Mắt em sáng hơn mắt anh. Hãy nhìn xem anh chàng đang cười ngựa kia là ai? Anh ta muốn biểu diễn ngựa cho ai xem vậy?"

Bèla ngược nhìn và bật kêu lớn:

"Đó là Kazbich!"

"Thằng vô lại!", tôi la to. "Có phải gã đến để giờ trò trêu chọc?"

Tôi nhìn kỹ thì đúng là Kazbich thật, da đen, rách rưới tòi tàn như bao giờ.

Bèla níu cánh tay tôi, toàn thân run rẩy. Đôi mắt rực sáng, nằng nói khễ:

"Con ngựa hấn đang cỡi là của cha em."

"Hà", tôi nghĩ. "Máu của một tên cướp đang lộ ra cho em thấy, em nhỏ ạ!"

Tôi gọi người gác cổng:

"Lại đây! Giờ súng lên nhắm vào tên dưới kia cho rảnh mắt ta. Ta sẽ cho chú một đồng rúp nếu chú làm như thế."

"Vâng", người lính đáp. "Nhưng gã không chịu đứng yên."

"Vậy thì chú bảo cho gã đứng yên!", tôi cười lớn.

Người gác cổng la to với gã:

"Anh kia! Anh tưởng anh là ai ở đây chứ?"

Kazbich ngẩng đầu lắng tai nghe –chắc hẳn gã nghĩ chúng tôi đang muốn thương lượng. Lập tức, người lính nhắm súng vào gã và bắn, nhưng trượt. Giấy lát phún đạn lóe sáng, Kazbich thúc ngựa lách sang một bên. Gã đứng thẳng trên bàn đạp, la to điều gì đó bằng thổ ngữ miền núi, rồi hướng về chúng tôi, quát mạnh ngọn roi lên không trung và biến mất vào rừng.

Tôi bảo người lính gác:

"Chú phải xấu hổ vì đã để xổng tên kia như thế."

Anh ta đáp:

"Loại như hấn, người ta không thể giết nổi ngay lập tức, thưa ngài."

Độ gần nửa tiếng đồng hồ sau, Petchorin trở về. Bèla ôm choàng lấy anh ta. Chưa bao giờ tôi thấy Bèla phàn nàn về sự bỏ đi của anh ta như bữa ấy. Ngay cả tôi cũng thấy bực mình với anh ta nữa. Tôi nói:

"Này Petchorin, Kazbich vừa xuất hiện nơi đây. Chúng tôi đã bắn gã, nhưng không trúng. Thế nào gã cũng quay lại. Loại người miền núi này không bao giờ chịu khuất phục dễ dàng như thế. Gã phải đoán ra rằng chính cậu đã giúp một tay cho Azamat và tôi chắc chắn lúc này gã đã nhận ra Bèla. Từ lâu,

gã rất kiên trì đeo đuổi cô ấy. Tôi biết đó là một sự thật, bởi vì gã từng kể tôi nghe rất nhiều về điều đó. Nếu gã có tiền cưới vợ, gã đã cầu hôn cô ta từ lâu."

Trông Petchorin rất trầm tư theo những lời tôi nói.

"Vâng", anh ta đáp. "Chúng ta phải rất thận trọng. Bèla, từ nay em không được đi ra khỏi bờ thành lần nào nữa."

Tối hôm đó, tôi và Petchorin trò chuyện rất lâu.

Tôi thật bức tức khi nhìn ra rằng anh ta đã thay đổi trên tình cảm dành cho cô gái đáng thương ấy. Ngoài chuyện để thì giờ vào việc săn bắn, anh ta còn đối xử lạnh nhạt với nàng. Họạ hoàn lăm nàng mới được anh ta quan tâm đến. Bấy giờ nàng bắt đầu trở nên tiêu tụy, khuôn mặt thõm xuống, nét vui tươi không còn trong đôi mắt lớn. Có lần tôi hỏi:

"Cái gì khiến em thờ dài mãi thế? Có phải em buồn?"

"Không!"

"Em muốn điều gì?"

"Không!"

"Hay em nhớ nhà?"

"Em đang có một mái nhà đây mà!"

Nhiều bữa nàng không đáp gì với tôi ngoài hai chữ "có" và "không".

Tôi kể những điều này với Petchorin thì anh ta đáp:

"Tôi biết mình có một bản chất đáng buồn. Tôi không hiểu có phải do từ cái cách tôi được nuôi dưỡng khi còn bé, hay bẩm sinh đã là như thế? Tất cả những gì tôi biết là nếu tôi làm cho kẻ khác đau khổ thì chính tôi lại là kẻ đau khổ nhiều hơn. Có lẽ điều ấy không khiến ai hài lòng, nhưng không thể nào thay đổi được. Là một người trẻ tuổi tự do, tôi điên cuồng ném mình vào tất cả những thú vui nào tiền bạc có thể mua được, nhưng cũng rất mau chán theo chúng. Tôi từng yêu nhiều người đàn bà sang cả và cũng được yêu trả lại. Nhưng tình yêu của họ chỉ làm khuấy động thoáng chốc sự tưởng tượng và tính kiêu ngạo của tôi, chẳng lâu sau đó, trái tim tôi lại trở nên trống rỗng. Tôi xoay qua đọc sách, nhưng cũng mau thấy mệt theo chữ nghĩa. Tôi nhận biết mình không cần thiết để học cách kiếm tìm danh vọng hay hạnh phúc, bởi vì tôi nghĩ những người hạnh phúc nhất chính là những kẻ ngu dốt nhất. Ngoài ra, tiếng tăm chỉ là vấn đề của may mắn; muốn có được nó thì phải cần vào sự khôn ngoan. Tôi cũng sớm chán theo điều ấy ngay sau khi đã có nó.

Khi đổi đến sống tại vùng Caucase, tôi cho đó là khoảng thời gian tôi được hạnh phúc nhất. Tôi hy vọng sự chán chường sẽ

chấm dứt với những viên đạn của người Chechia bay chung quanh, nhưng không đúng. Sau một tháng, khi đã quá quen với những tiếng nổ rền vang và sự đến gần cái chết, tôi phải thành thật nói rằng bây giờ tôi đâm chán đời hơn lúc nào. Hy vọng cuối cùng đã tiêu tan.

Thế rồi tôi có Bèla. Lần đầu được ôm nàng trong tay, hôn lên mái tóc quăn quăn của nàng, tôi quả đã ngây dại để nghĩ rằng nàng là một thiên thần được gửi xuống cho tôi, kẻ đang mang một số phận rất đáng tội nghiệp. Tôi lại lầm lẫn nữa. Tình yêu của một cô gái dân dã thật ra chẳng khá gì hơn so với của một phụ nữ quý tộc. Sự ngây thơ đơn giản của người này cũng chán bằng tính đôm dảng của người kia. Nếu anh muốn biết, tôi phải nói rằng tôi vẫn còn yêu nàng và đó là một sự thật. Tôi chịu ơn nàng những ngày hạnh phúc. Tôi dành cuộc đời tôi cho nàng. Nhưng nàng lại làm phiền tôi. Tôi không biết có phải tôi là một tên điên hay một đờn vớ lại? Duy chỉ một điều tôi biết chắc là tôi đáng thương cũng y hệt như nàng, hay có lẽ còn nhiều hơn cả nàng nữa. Tâm hồn tôi bị đòi truy bởi lối sống xã hội, không tìm đâu ra sự tĩnh lặng. Trái tim tôi chưa từng được thỏa mãn. Tôi đâm quen với nỗi buồn, dễ dàng như tôi đang vui thú. Ngày lại ngày, tôi cảm nhận cuộc đời càng trống rỗng hơn nữa. Một ý thích duy nhất lưu lại trong tôi là du lịch, bất cứ lúc nào tôi có thể. Không chỉ Âu Châu, mà sẽ còn đi Mỹ, Á Rập hay Ấn Độ. Và nếu tôi được chết trên một chặng đường nào đang đi qua thì hẳn đó là điều may mắn nhất với tôi."

Anh ta nói hồi lâu trong cái cách như vậy, những lời đã tạo nên trong tôi một ấn tượng mạnh mẽ. Đó là lần thứ nhất tôi mới được nghe giọng điệu bi quan dường ấy từ một thanh niên mới 25 tuổi. Cầu xin Chúa cho là lần cuối. Hoàn toàn vượt quá sự suy nghĩ của tôi.

Maxim Maximych nhìn thẳng vào tôi:

"Bạn là người vừa từ St. Pétersbourg đến, xin trả lời cho tôi biết, có phải tất cả mọi người trẻ đều là như thế?"

Tôi đáp rằng có nhiều người từng nói vậy và rất có thể vài trong số đó nói sự thật. Áo mộng (tôi nói) cũng giống như bất cứ tập tục thời trang nào, khởi đầu nổi bật giữa những phần tử tinh hoa của xã hội, sau, theo thời gian bị đào thải để tàn lụi dần trong những thế cấp tệ hại hơn. Tôi giải thích, thời bây giờ có những kẻ đau khổ theo sự buồn chán nhưng vẫn cố bám lấy điều ấy cho mình như một tật chứng.

Đại úy Maxim không hiểu những điều tế vi như vậy. Ông lắc đầu, xong mỉm cười tinh quái:

“Tôi nghĩ chính người Pháp đã đưa vào xứ sở ta cái một chán chường ấy?”

“Không, người Anh”.

“À ra thế! Người Anh thường là những kẻ bí tỉ say sưa”, ông vặn lại.

Tôi không thể nhớ nổi tên một phụ nữ ở Moscow, người đã từng xác nhận rằng Byron thì không gì khác hơn là một gã say. Nhưng với Maxim Maxímych, bởi muốn tránh xa rượu, ông sẽ một cách tự nhiên tự thuyết phục mình rằng sự say sưa là nguồn cội của mọi vấn đề tồi tệ.

Ông tiếp tục kể:

Kazbich không thấy xuất hiện nữa. Ngoài ra, chẳng hiểu tại sao tôi không thể tổng khứ ra khỏi đầu mình cái ý nghĩ rằng anh ta đến vì một mục đích và đang dự trù chuyện mờ ám nào đó.

Một hôm, Petchorin cố gắng rủ tôi cùng đi săn lợn rừng. Tôi thối thoái hồi lâu, hẹn với anh ta dịp khác (làm như thể tôi cũng thích săn lợn rừng lắm!), nhưng cuối cùng cũng không từ chối được.

Thế là từ sáng sớm, cùng với vài người lính, chúng tôi ra đi. Rảo quanh rừng và chen bước giữa đám lau sậy cho đến 10 giờ mà chẳng tìm ra con lợn nào, tôi bèn đề nghị:

"Chúng ta nên trở về. Đầu có gì cần ở lại nữa? Rõ ràng bữa nay mình không may mắn."

Nhưng Petchorin chẳng muốn trở về tay không, lại cũng chẳng cần biết chúng tôi đang mệt. Anh ta vốn dĩ như thế: nếu đã từng nghĩ điều gì trong óc thì sẽ không hài lòng cho đến khi đạt được điều ấy. Chắc hẳn từ thuở bé, anh ta đã được nuông chiều đến hư như vậy.

Cuối cùng vào khoảng giữa trưa, cũng có một con lợn chết toi xuất hiện. Chúng tôi bắn vài viên, nhưng không trúng đích. Con vật cứ lẩn vào trong đám lau sậy. Thật đúng là một ngày xui xẻo! Vì vậy, cả bọn nghỉ mệt một lát xong chuẩn bị trở về.

Tôi và Petchorin im lặng cưỡi ngựa bên nhau. Khi vừa ra khỏi đám rừng, bỗng nghe một tiếng súng nổ. Cả hai nhìn nhau, ánh nghi ngờ cùng hiện trong mắt, nên phóng ngựa nhanh tới nơi phát ra tiếng súng. Ngay đầu thành, một nhóm lính đang tụ lại, chỉ trỏ về phía cánh đồng. Có một kỵ mã vừa lướt qua như một mũi tên với một vật màu trắng vắt ngang yên ngựa. Petchorin bật hét lên y hệt các chàng trai miền núi, súng rút khỏi bao và phóng theo gã kia. Tôi bám sát sau lưng anh ta. Cũng may, hai con ngựa đều còn non, sung sức, nên càng lúc càng bắt kịp gã nọ. Cuối cùng nhận ra đó là Kazbich dù tôi không thể đoán biết hắn đang giữ vật gì trên

yên. Tôi la to với Petchorin rằng đó là Kazbich. Anh ta nhìn tôi, vẻ sừng sốt, gật đầu và thúc ngựa nhanh hơn. Chúng tôi bắt kịp gã. Có lẽ con ngựa của gã đã mệt hoặc không tốt, nên dù Kazbich cố gắng tôi đi, con vật vẫn không tiến xa hơn được. Tôi nghĩ, chắc hẳn gã đang thật tiếc khi nhớ lại con Karagyozy thuở nọ.

Petchorin vẫn không ngừng bước ngựa, giơ súng lên nhắm vào lưng Kazbich. Tôi la to:

"Đừng bắn, hãy để dành đạn! Chúng ta chắc chắn sẽ bắt được gã thôi."

Nhưng các người tuổi trẻ thường giống hệt nhau ở sự luôn luôn bị kích động vào đúng những giây phút sai lầm nhất. Petchorin nổ súng. Viên đạn ghim vào chân trái con ngựa Kazbich. Con vật bước thêm vài bước nữa rồi quy xuống. Kazbich phóng ra khỏi ngựa. Chúng tôi nhìn thấy vật hán đang mang trên yên là một phụ nữ bị quán chặt trong chiếc áo lông. Đó là Bèla, cô bé tội nghiệp!

Kazbich la lên om xòm bằng thổ ngữ miền núi và rút dao găm đâm vào người Bèla. Không để mất thì giờ, tôi giơ súng bắn mà không nhắm. Viên đạn có lẽ trúng bả vai gã bởi vì thấy gã hạ cánh tay xuống. Khi khói thuốc đã tan, tôi nhìn ra con ngựa bị thương đang nằm trên mặt đất bên cạnh cô gái. Kazbich đã ném súng và nhào người lùi trốn như một con cáo suốt qua bụi rậm dẫn lên các vách đá. Tôi muốn rượt theo gã nhưng đành ngừng lại vì súng của tôi đã hết đạn.

Chúng tôi nhảy xuống khỏi ngựa, bỏ nhanh về phía Bèla. Thật đáng thương, nàng nằm im, máu từ vết đâm tuôn ra xối xả. Gã côn đồ kia đã không đâm thẳng vào ngực nàng mà lại đâm lên lưng, giống như cái tính thú vật vốn vẫn lưu hành trong máu gã.

Bèla đã bất tỉnh. Chúng tôi xé cái áo choàng của nàng buộc vết thương thật chặt. Petchorin hôn lên đôi môi lạnh nhưng vô ích, không cách gì khiến nàng tỉnh lại. Anh ta sụt sùi khóc trong khi tôi nhấc người nàng, nhẹ nhàng đặt trên lưng ngựa anh ta. Vòng tay Petchorin đỡ quanh thân hình nàng. Sau vài phút im lặng, Petchorin bật nói:

"Này anh Maxim, nếu cứ đi chậm thế này, chúng ta sẽ không bao giờ có thể cứu nàng sống được."

Tôi đồng ý, thúc ngựa nhanh hơn. Một đám đông tụ tập nơi cổng pháo đài. Chúng tôi nâng nàng thật cẩn thận vào nhà Petchorin và cho gọi bác sĩ. Ông ta nhìn vết thương, nói ngay rằng nàng không thể sống tới ngày hôm sau. Ông ta đã làm.

“Nàng có đỡ không?”, tôi vừa hỏi vừa nắm cánh tay Đại úy, lòng thật nôn nóng muốn biết điều ấy.

“Không. Tôi nói bác sĩ lầm là bởi thật sự Bèla sống đến hai ngày.”

“Nhưng bằng cách nào nàng bị Kazbich bắt cóc?”, tôi hỏi.

Như thế này. Dù Petchorin đã báo, nhưng Bèla vẫn ra khỏi pháo đài, đến bên bờ suối. Buổi ấy trời rất nóng. Nàng ngồi trên một tảng đá, thả rơi hai chân xuống nước. Kazbich lén đến sau lưng, túm lấy nàng, bịt miệng, đẩy vào bụi rậm. Xong hấn trói nàng, buộc trên yên ngựa rồi tẩu thoát vào rừng. Nàng vùng vẫy và cố la to để cầu cứu với những người lính gác. Họ giơ súng bắn theo, nhưng trật. Đúng vào lúc đó, chúng tôi về tới.

“Tại sao Kazbich lại muốn bắt cóc nàng?”

“Tại sao ư, bạn nghĩ thế nào? Những tên miền núi này vốn có trong máu cái tính cướp bóc. Chúng cướp bất cứ thứ gì khi có dịp. Ngay cả những điều không muốn, chúng cũng cướp, lý do chỉ vì chúng không thể tự chế. Ngoài ra tên vô lại này từ lâu vẫn có cảm tình với Bèla.”

“Có phải sau đó Bèla chết?”

“Vâng, nàng chết, dù rằng sự thống khổ kéo dài không ít. Đó lại cũng là một nỗi chông đỡ rất tuyệt vọng cho Petchorin, và cho cả tôi.”

Chừng mười giờ tối hôm đó, Bèla tỉnh lại. Chúng tôi ngồi cạnh giường nàng. Một lát nàng mở mắt, gọi tên Petchorin.

"Anh đang ở đây, dzhanechka (có nghĩa là 'em yêu dấu')", anh ta nắm tay nàng và nói.

"Em sắp chết", nàng thều thào.

Chúng tôi cố gắng làm yên tâm Bèla, bảo rằng bác sĩ đã nói sẽ cứu được nàng, nhưng nàng lắc đầu, quay mặt vào tường. Nàng không muốn chết. Giữa khuya, nàng trở nên mê sảng, đầu nóng bừng, cả thân hình cứ như bị co giật vì cơn sốt. Nàng nói lung tung về cha và em trai, nói rằng muốn trở lại căn nhà ở vùng đồi núi. Nàng cũng nói về Petchorin, gọi anh ta bằng tất cả những danh từ âu yếm nhất, hoặc, trách anh ta không còn yêu "dzhanechka" của anh ta nữa.

Petchorin im lặng lắng nghe, mặt gục xuống trong hai bàn tay. Dù vậy, suốt thời gian ấy, tôi chẳng hề thấy anh ta ứa ra một giọt nước mắt. Có lẽ anh ta không thể khóc, hoặc tự mình kềm chế? Trong đời tôi, cho tới lúc bấy giờ, tôi chưa bao giờ chứng kiến cảnh nào cảm động hơn.

Lúc gần sáng, cơn mê sảng chấm dứt. Bèla nằm im chùng một tiếng đồng hồ, xanh xao và yếu đuối đến độ tôi không thể nghĩ rằng nàng đang còn thở. Rồi nàng trở nên khá hơn một

chút, bắt đầu trò chuyện. Bạn biết không, đó là một loại hoang tưởng chỉ xảy ra khi người ta gần chết. Nàng nói nàng cảm thấy buồn rằng không phải là một tín đồ Thiên Chúa giáo và rằng linh hồn nàng sẽ không bao giờ gặp được linh hồn Petchorin ở thế giới bên kia. Trong nước thiên đàng, chỗ của nàng bên cạnh anh ta sẽ được thay thế bằng một người đàn bà khác. Nàng nhìn tôi, nhưng không nói gì hết. Cuối cùng nàng bảo rằng sẽ chết trong niềm tin đã có từ lúc mới sinh.

Trọn ngày trôi qua như thế. Thật là một sự thay đổi ghê gớm trên Bèla trong ngày ấy. Hai má xanh lợt và lõm hăn xuống. Đôi mắt sâu hoãm, đôi môi rục nóng. Nàng kêu bồng nơi ngực, bảo rằng giống như đang có một thỏi sắt nung đỏ đặt giữa hai lá phổi.

Đêm hôm sau, chúng tôi vẫn ngồi cạnh giường Bèla và chưa hề chớp mắt kể từ đêm trước. Nàng rên rỉ và kêu đau dữ dội. Khi cơn đau dịu xuống, nàng cố làm cho Petchorin tưởng rằng nàng đã đỡ, bảo anh ta đi ngủ, hôn bàn tay anh ta và tưởng như không muốn rời nó nữa.

Chỉ trước khi bình minh đến, dấu hiệu xuất hiện của Thần Chết mới thấy bắt đầu hé lộ. Bèla lăn qua lộn lại trên giường, miếng băng bị tuột và máu lại ứa ra lênh láng. Chúng tôi buộc vết thương lại. Nàng nằm im trong chốc lát rồi xin Petchorin hôn nàng. Anh ta quỳ xuống cạnh giường, nâng đầu Bèla dậy và hôn lên khuôn mặt đang bắt đầu giá lạnh. Nàng ôm vòng quanh cổ anh ta, hai cánh tay run rẩy, tưởng như muốn níu kéo cuộc đời qua cái hôn ấy. Vâng, đúng là như thế. Và tôi tự hỏi, nàng sẽ ra sao trong hoàn cảnh đó nếu Petchorin đã bỏ rơi nàng, như bản chất anh ta sớm hay muộn gì cũng sẽ làm điều ấy?

Nửa ngày hôm sau, Bèla nằm im lìm, không nói gì nữa, chỉ làm theo tất cả những lời của bác sĩ. Tuy nhiên rõ ràng là nàng đang bị hành hạ bởi ông ta và một mớ linh kinh thuốc men. Tôi bảo Petchorin:

"Cậu đã nói chắc chắn rằng rồi Bèla sẽ chết, vậy tại sao lại làm khổ nàng thêm bằng tất cả những thứ phiến toái ấy?"

"Như thế tốt hơn", anh ta đáp. "Tôi không muốn về sau sẽ bị cắn rứt lương tâm."

Tôi la lên:

"Lương tâm, trời đất!"

Chiều hôm ấy, Bèla kêu khát nước. Cửa sổ được mở ra nhưng khí trời bên ngoài vẫn đang thật nóng. Vì vậy, chúng tôi đặt cạnh giường một xô nước đá, nhưng điều đó cũng không giúp

ích gì thêm. Tôi biết con khát điên cuồng này là dấu hiệu rõ ràng của cái chết đang dần đến. Tôi nói với Petchorin như vậy. Bèla rướn mình lên một chút, kêu gào đến khản giọng xin được uống nước. Khuôn mặt Petchorin trắng bệch như tờ giấy. Anh ta rót một ly nước đầy, đưa cho nàng. Tôi úp mặt trong hai bàn tay, âm thầm cầu nguyện.

(Vâng, bạn ạ, tôi từng nhìn thấy nhiều người chết trong bệnh viện và trên chiến trận, nhưng lần này khác, hoàn toàn khác. Thật mà nói, tôi thấy đau lòng bởi Bèla chưa một lần tỏ ra dấu nét nhớ gì đến tôi, dù rằng tôi từng thương yêu nàng như một đứa con nhỏ dại. Xin Chúa tha thứ cho nàng điều đó... Nhưng nói cho cùng, tôi có là ai đâu để người ta cần nghĩ đến trong khi gần chết, phải không bạn?)

Uống nước xong, trông Bèla dịu lại, nhưng rồi hai hay ba phút sau, nàng chết. Chúng tôi đặt một cái gương trước môi nàng, thấy không bị mờ đi chút nào cả.

Tôi đưa Petchorin ra khỏi phòng. Cả hai đi lên đi xuống ngoài cổng thành hồi lâu, tay chấp sau lưng, chẳng ai nói gì với nhau. Khuôn mặt Petchorin không tỏ ra cảm xúc đặc biệt, và điều ấy làm tôi khó chịu.

(Nếu như ở vào vị trí anh ta, chắc tôi đau khổ ghê lắm).

Cuối cùng, anh ta ngồi xuống nơi chỗ có bóng râm che phủ, cúi đầu vẽ ngang vẽ dọc trên cát bằng một cành khô nhỏ. Tôi muốn an ủi anh ta, vì lịch sự hơn vì lẽ nào khác. Nhưng khi tôi bắt đầu nói thì anh ta ngẩng lên, cười rộ. Cái cười làm tôi sờn gai ốc.

Tôi đặt mua một cỗ quan tài. Thú thật, hễ bất cứ khi nào nhìn đến nó là lòng tôi lại buồn ghê gớm. Tôi phủ lên quan tài một mảnh lụa Ba Tư và viền chung quanh bằng vải mảnh ren màu bạc của người Circasa mà Petchorin đã mua về cho Bèla dạo trước.

Sáng sớm hôm sau chúng tôi chôn nàng bên bờ suối, nơi lần cuối cùng nàng đã ngồi ở đó. Giàn cây keo màu trắng được gieo quanh nấm mộ. Tôi muốn đặt lên đấy một cây thánh giá, nhưng rồi lại thôi. Trước giờ hấp hối, nàng đã bảo rằng không muốn trở thành một tín đồ Thiên Chúa giáo.”

“Còn Petchorin thì sao?”, tôi hỏi.

Anh ta thật đáng thương. Một thời gian dài, anh ta xuống sức, trông rất gầy ốm. Nhưng, không bao giờ tôi nghe anh ta nói gì về Bèla nữa. Ba hay bốn tháng sau, anh ta rời Georgie, xin đổi sang một trung đoàn khác. Từ đó, tôi không còn biết chút tin tức nào về anh ta. Dường như có ai đó nói rằng Petchorin đã trở về Nga, dù không có lệnh từ sư đoàn ban

xuống. Tuy nhiên, đó chưa hẳn là điều đúng, bởi chúng tôi luôn luôn là những kẻ cuối cùng biết được tin tức bên ngoài.

Với điều sau rốt này, viên Đại úy lại khởi đầu một màn nghị luận dông dài về sự bất tiện phiền phức theo những điều được nghe một năm sau, sau khi biến cố xảy ra. Có lẽ ông muốn quên hết những kỷ niệm đau buồn cũ. Tôi không tiện quấy rầy ông, và cũng chẳng còn mong nghe thêm gì khác nữa.

Một giờ sau, cơn bão dịu dần. Bầu trời rõ sáng. Cuộc hành trình được tiếp tục. Trên đường đi, tôi không thể ngừng đề cập trở lại câu chuyện.

“Còn Kazbich, anh có hay gì về gã?”

“Kazbich? Không! Tôi không biết chính xác. Chỉ nghe kể rằng

một số anh em trong đơn vị đã từng bắt được một gã liều mạng không biết sợ là gì, tên gọi Kazbich. Gã thường mặc một cái áo choàng màu đỏ. Bất cứ khi nào xuất hiện ngay trong tầm đạn chúng tôi thì gã xuống ngựa dẫn bộ, cúi đầu một cách khiêm nhượng trong khi một viên đạn bay véo lên không trung. Tuy nhiên cũng không chắc gã này là anh chàng Kazbich trong câu chuyện tôi vừa kể.”

Tại Kobi, Maxim Maximych và tôi bắt tay từ biệt. Tôi đi tiếp con đường của mình bằng xe ngựa trạm. Còn Maxim với đồng hành lý nặng nề, không thể theo kịp ngang hàng với tôi. Chúng tôi tưởng không bao giờ còn dịp gặp lại nhau, nhưng thật sự không đúng. Nếu bạn thích, mai kia tôi sẽ kể cho bạn nghe điều ấy –và đó lại hoàn toàn là một đề tài khác. Tôi không biết bạn có đồng ý với tôi rằng Maxim Maximych là một người bạn rất tốt? Nếu có, tôi sẽ trình bày về nhân vật này trong một câu chuyện nữa của tôi, và sẽ rất dài, có lẽ.

*(Trần Thị Bông Giấy
San Jose, Sept. 30/2000)*

□